



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn Đề Trong Tháng

Những cuộc xuống đường đòi dân chủ đạt được thắng lợi tại Thái Lan

Tập đoàn quân phiệt Thái Lan đã phải nhượng bộ sau một tuần lễ đàn áp hung bạo các cuộc xuống đường đòi dân chủ.

Khởi sự ngay từ đầu tháng 5-1992 khi tướng Suchinda Kraprayoon, một người không phải là đại biểu quốc hội, được bầu làm thủ tướng với sự ủng hộ của một liên minh gồm năm đảng thân quân đội, cuộc đấu tranh đòi dân chủ đã dần dần thêm tầm vóc và đạt tới cao điểm vào giữa tháng 5. Tập đoàn quân phiệt cầm quyền đã thẳng tay đàn áp. Con số thương vong cho tới nay vẫn chưa biết được một cách chính thức, nhưng số người chết chắc chắn là rất cao.

Mức độ khủng khiếp của cuộc đàn áp đã làm rung động lương tâm thế giới, gây chia rẽ trong nội bộ quân đội Thái và cũng đã làm cho vua Bhumibol phải lên tiếng. Các áp lực từ mọi phía đã

buộc tập đoàn quân phiệt phải đầu hàng. Tướng Suchinda Kraprayoon đã phải từ chức, hiến pháp Thái Lan đã được tu chỉnh lại theo nguyện vọng của các lực lượng dân chủ, Thượng nghị viện - công cụ của tập đoàn quân phiệt - bị hạ tầm quan trọng. Trên đà thắng lợi, các lực lượng dân chủ đang đòi xem xét xử những tướng tá có trách nhiệm trong cuộc đàn áp đẫm máu vừa qua, gồm cả Tổng tư lệnh, Tư lệnh lục quân, Tư lệnh quân khu Bangkok và Bộ trưởng nội vụ. Chế độ quân phiệt Thái Lan đang sống những ngày cuối cùng.

Những gì vừa xảy ra đánh dấu một khúc quanh lịch sử vô cùng trọng đại tại Thái Lan.

Cho tới nay Thái Lan đã có nhiều cuộc xuống đường bị đàn áp, nhưng hình như mọi biến cố đều có chung một kịch bản. Sau một cuộc đàn áp dã man, nhóm quân nhân cầm quyền bị mất chức và một nhóm quân nhân khác lên thay. Chính phủ Thái tuy đổ nhưng phe quân phiệt vẫn tiếp tục cầm quyền.

Điều đáng lưu ý là tập đoàn quân phiệt tuy thường đảo chánh lẫn nhau vì tranh chấp quyền lực nhưng lại rất liên đới. Họ đảo chánh nhau nhưng không giết nhau và cũng không bỏ tù nhau. Người bị thua thì xuất ngoại, về vườn hay vào chùa đi tu. Rồi một vài năm sau lại có mặt trong chính quyền nhân một cuộc cải tổ nội các hay đảo chánh khác. Những biến động trong chính trường Thái Lan, nói chung, chỉ là những thay đổi vị trí trong nội bộ tập đoàn quân phiệt.

Điều cũng đáng lưu ý là các cuộc xuống đường cho tới nay thường vẫn chỉ là những đòi hỏi cục bộ; lý do thông thường nhất là sự phẫn nộ của sinh viên, học sinh trước nạn tham nhũng hoặc trước những biện pháp và chính sách giáo dục thất nhân tâm. Nguyện vọng dân chủ chỉ chiếm một vị trí rất khiêm nhường trong những cuộc tranh đấu trước đây.

Năm 1932, khi chế độ quân chủ lập hiến được thành lập, Thái Lan đã không đi vào con đường dân chủ mà đi vào con đường độc tài quân phiệt. Quân phiệt đã cấu kết chặt chẽ với tài phiệt, và liên

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng	
3. Tại sao?	Thông Luận
4. Vì đất nước hôm nay và ngày mai: <i>Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo...</i>	Trần Thanh Hiệp
9. Chính trị quốc tế: <i>Trung Quốc và tiến trình dân chủ hóa</i>	Huỳnh Hùng
10. Tham luận. " <i>Những cái cầu sắp sập</i> "	Trịnh Văn Thảo
13. Hợp thân hữu Thông Luận: <i>Bác bỏ Hiến pháp 1992...</i>	Nguyễn Văn Huy
14. Giới thiệu sách: <i>Tình bạn, tình yêu, đất nước</i>	Nguyễn Gia Kiểng
16. Tám tổ chức quốc nội hợp hội nghị Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên.	Lý Phượng Hải
17. Thời sự - Tin tức	
22. Độc giả viết	
24. Sở tay : <i>Ông Tư Bà Nguyệt</i>	Phù Du

minh quân phiệt - tài phiệt vừa có tiền, vừa có súng đã hoàn toàn làm chủ được tình hình trong sáu mươi năm qua.

Liên minh quân phiệt - tài phiệt đã tỏ ra rất khôn ngoan. Trước hết nó đã biết ăn chia đồng đều để không rạn nứt nội bộ. Sau đó nó đã thỏa hiệp được với hai định chế tinh thần cơ bản của Thái Lan là Phật giáo và Hoàng gia. Chính vì thế mà nó đã nắm chắc được xã hội Thái Lan trong tay và các giá trị dân chủ không phát triển được. Tình hình đã chỉ đổi mới từ một vài năm gần đây khi Thái Lan trở thành tương đối giàu có và một giai cấp trung lưu xuất hiện với những nguyện vọng dân chủ thực sự.

Thái Lan đã có cái may mắn là chưa từng bị đô hộ. Nhưng ngược lại cũng chính vì thế mà sự tiếp xúc với Phương Tây chỉ giới hạn trong giới thượng lưu Bangkok. Trong đại bộ phận, ra khỏi Bangkok, xã hội Thái Lan vẫn còn là một xã hội rất phong kiến. Tệ người bóc lột người, cảnh mua bán phụ nữ làm nạng hầu hay gái mãi dâm vẫn còn rất phổ biến. Đằng sau sự phồn vinh của Bangkok, có thể nói đất nước Thái Lan vẫn còn rất bán khai và con người Thái Lan vẫn chưa được khai phóng. Điều này giải thích tại sao cho tới nay liên minh quân phiệt chưa từng bị đe dọa. Điều này cũng giải thích tại sao sự đã man của các ngư phủ Thái với thuyền nhân Việt Nam đã không bị lên án đúng mức.

Một lý do khác cũng đã củng cố chỗ đứng của liên minh quân phiệt - tài phiệt Thái là sự thành công tương đối về mặt kinh tế. Trong gần hai thập niên qua, kinh tế Thái không ngừng tăng trưởng ở một mức độ cao, nhất là từ 1986 trở đi. Từ một vài năm gần đây, Thái Lan được hân hạnh làm một "con rồng" mới của Châu Á. Nhưng cũng chính sự thành công về mặt kinh tế này đã đem lại cho dân tộc Thái Lan một sinh lực mới, đã giúp cho xã hội dân sự Thái Lan dần dần lớn mạnh, đã tạo ra một khoảng không gian tự do mới, và đã tạo ra một lớp trung lưu mới với những mâu thuẫn quyền lợi càng ngày càng gay gắt với liên minh quân phiệt - tài phiệt.

Biến cố vừa qua khác hẳn với những gì đã thấy trước đây vì nó đánh dấu một sự chuyển hóa trong chiều sâu của xã hội Thái. Lần này người Thái không xuống đường chống tham nhũng hay vì một yêu sách cụ thể nào. Lần này là một phong trào xuống đường đòi dân chủ thực sự, và chỉ có thể chấm dứt khi những nguyện vọng dân chủ đã được thỏa mãn. Lần này các cuộc biểu tình không đòi hỏi chính phủ từ chức mà đòi quân đội phải rời chính trường để rút về trại lính. Chính thể chế quân phiệt đang bị đánh phá.

Người Thái đã phải trả một giá rất đắt cho dân chủ nhưng họ đã thắng lợi. Thái Lan không thể nào tiếp tục như trước nữa. Giai đoạn cáo chung của chế độ quân phiệt sẽ không kéo dài lâu bởi vì các thế lực tài phiệt Thái Lan cũng như các thế lực ngoại quốc, và đặc biệt là Nhật, đều đã hiểu rằng quyền lợi của họ chỉ được đảm bảo nếu tình hình chính trị Thái được ổn định trở lại, nghĩa là cái gì không thể kéo dài được nữa thì phải chấm dứt thật sớm. Nhà vua Thái Lan cũng như Phật giáo cũng sẽ cảm thấy phải đóng góp tích cực cho tiến trình dân chủ hóa nếu không muốn một ngày nào đó phải trả lời về sự thỏa hiệp quá lâu với liên minh quân phiệt - tài phiệt.

Những thay đổi tại Thái Lan cũng sẽ làm cho khối ASEAN thay da đổi thịt. Ra đời từ 1967, sau sự giải thể của khối Liên Phòng Đông Nam Á, ASEAN về bản chất chỉ là một liên minh chống cộng. ASEAN chưa bao giờ là một tổ chức hợp tác kinh tế, càng không phải là một hợp tác văn hóa. Các thành viên của ASEAN ít buôn bán với nhau và cũng không dành cho nhau một để dãi nào trong các trao đổi. Khi khối cộng sản sụp đổ và chủ nghĩa cộng sản không còn là một đe dọa nữa, ASEAN dần dần biến thành một câu lạc bộ của các chế độ độc tài. ASEAN đã trở thành một trở ngại cho dân chủ. Một lập luận đang được ASEAN triển khai là người Châu Á không cần dân chủ mà chỉ cần phát triển kinh tế. Nhưng sự thực đã khác hẳn. Chế độ độc tài đã sụp đổ tại Philippines; Singapore cũng đã bắt đầu có sinh hoạt đa đảng thực sự; chế độ quân phiệt Hồi giáo Indonesia cũng đang bối rối. Giờ đây đến lượt chế độ quân phiệt Thái bắt đầu bị đào thải. Làn sóng ngầm dân chủ đang dấy lên mãnh liệt tại Đông Nam Á, cũng như tại Đài Loan, Nam Triều Tiên, và ở một mức độ nào đó, ngay tại Trung Quốc. ASEAN, và Châu Á nói chung, sẽ không phải là đất dung thân của các chế độ độc tài.

Chính quyền cộng sản Việt Nam chắc chắn đang hết hoảng. Ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đã tôn sùng nhiều thần tượng và các thần tượng đó đều sụp đổ. Ba Lan, rồi Tiệp Khắc, Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Gần đây, rõ ràng Hà Nội muốn bắt chước Thái Lan. Nhưng thần tượng quân phiệt Thái Lan cũng đang sụp đổ. Hà Nội sẽ theo đuổi mẫu mực nào đây trong những ngày sắp tới?

Từ hai năm qua, Hà Nội cố gắng vận động để được gia nhập ASEAN với hy vọng tìm được ở đó những đồng lõa độc tài mới. Nhưng ASEAN đang thay đổi theo chiều hướng dân chủ nên hy vọng cuối cùng của đảng cộng sản Việt Nam cũng sẽ tan dần theo mây khói. Rất có thể trong một tương lai gần, dân chủ sẽ là một điều kiện bắt buộc để có thể được chấp nhận vào ASEAN. Hà Nội sẽ không được vào ASEAN hay sẽ chỉ được vào ASEAN để phải chịu thêm những áp lực dân chủ mới.

Đảng cộng sản Việt Nam đã làm một sai lầm thể thảm ở Đại Hội VII khi ngoan cố tái xác nhận đường lối độc tài, độc đảng. Thế giới biến đổi một cách mau chóng làm cho những tính toán của đảng cộng sản Việt Nam trở thành ngớ ngẩn một cách đáng thương hại.

Đảng cộng sản Việt Nam sẽ làm gì trong những ngày sắp tới? Họ sẽ tiếp tục bắt bớ, giải tòa, kết án thật nặng những người đấu tranh cho dân chủ? Nhưng ai còn sợ họ? Càng có thêm nhiều người bị kết án thì hàng ngũ dân chủ càng được thêm những khuôn mặt mới và sự hình thành của các lực lượng dân chủ càng mau chóng hơn.

Đảng cộng sản sẽ chỉ có một lối thoát là thành thực hợp tác với các lực lượng dân chủ và với xã hội dân sự để tìm một lộ trình dân chủ hóa hợp tình hợp lý nhất cho đất nước. Nhưng lối thoát này, đảng cộng sản phải chọn lựa thật mau chóng trước khi quá trễ. Hồi kết cục của các chế độ độc tài ngoan cố thường rất kinh khủng.

Thông Luận

Tại sao ?

Chúng ta đang chứng kiến một chiến dịch khủng bố trắng trợn bằng các tòa án nhân dân.

Sau Nguyễn Đan Quế và Cao Trào Nhân Bản, đến lượt Đỗ Văn Thạc và Tô Hạch Tâm, rồi Đoàn Thanh Liêm và Nguyễn Tri, rồi đến Nguyễn Ngọc Đại... Tất cả phải chịu những bản án rất nặng nề vì một tội danh đã cũ kỹ một cách lỗ mãng: "tuyên truyền phản động chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa". Đáng giận thay, những kẻ tầm tối cố bám vào một chủ nghĩa lỗi thời đã bị cả loài người vất bỏ lại tự cho mình quyền lên án những con người thức thời là phản động.

Sắp tới, Tổ Chức Liên Việt của các ông Trịnh Văn Thương và Nguyễn Thanh Vân cũng sẽ bị đem ra xét xử. Chính quyền cộng sản cũng đã kết thúc hồ sơ và đang chuẩn bị xét xử giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các bạn ông trong nhóm Diễn Đàn Tự Do.

Như một con thú bị thương lồng lộn, chính quyền cộng sản bỗng nhiên trở thành đặc biệt hung bạo. Sự hung bạo ấy chỉ nói lên một tâm lý tuyệt vọng và hoảng hốt của một tập đoàn lãnh đạo đang thấy tình hình vượt khỏi tầm tay mình, nó cũng chứng tỏ rằng đối lập dân chủ trong nước đang rất tích cực.

Tại sao những người dân chủ, tại sao Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế lại bị bắt giam và kết án?

Họ không đe dọa ai cả, không phá rối trật tự an ninh, không vi phạm một đạo luật hiện hành nào tại Việt Nam cả. Điều này chính quyền cộng sản Việt Nam cũng nhìn nhận.

Phải chăng là tội muốn dân chủ? Nếu quả như vậy thì đảng cộng sản phải nói thẳng thắn - với dân tộc Việt Nam và với thế giới - rằng dưới chế độ của họ muốn dân chủ là một tội.

Phải chăng là vì họ đã bày tỏ ý muốn của mình? Nếu quả như vậy thì phải nói thẳng ra là đảng cộng sản muốn biến Việt Nam thành một nước gồm toàn những con người chỉ biết vâng dạ, những kẻ xu nịnh, những tên bồi bút khen theo chỉ thị, chửi theo mệnh lệnh.

Hay là vì họ đã chọn phương thức đấu tranh bất bạo động?

Trong một xã hội bình thường không thể có bất cứ lý do nào để bắt giữ họ dù là một ngày hay một giờ. Việc họ làm không những là quyền mà còn là bổn phận tự nhiên của những con người xứng đáng với tên gọi là người. Một chính quyền không man mọi không những không thể làm phiền họ mà còn phải bảo vệ họ.

Nhưng Nguyễn Đan Quế đã phải ngồi tù 14 năm và sẽ còn phải ở tù 19 năm nữa nếu chế độ cộng sản vẫn tiếp tục. Đoàn Viết Hoạt cũng đã ở tù 14 năm và sắp phải lãnh thêm một bản án nặng nề nữa. Tại các quốc gia đã bỏ án tử hình, án nặng nhất là tù chung thân và bình thường can phạm cũng chỉ ở tù mười năm. Những gì mà Hoạt và Quế đã chịu đựng vượt quá trí tưởng tượng của những con người văn minh, và họ vẫn còn tiếp tục bị hành hạ cho đến khi chế độ này chấm dứt.

Tại sao lại có thể có những con người mê muội đến độ không thấy rằng chế độ này đang cáo chung? Họ hung dữ với những con người quảng đại bao dung như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế rồi ngày mai ai sẽ che chở cho họ trước sự thịnh nộ của toàn dân?

Tại sao đất nước này lại cứ bách hại những đứa con ưu tú và quả cảm nhất? Phải chấm dứt cái bộ máy sàng lọc này trước khi nó tiêu diệt hết những con người đáng quý và chỉ để lại cho chúng ta một giống nòi gù lưng cúi đầu. Khác với nhiều dân tộc, chúng ta không có những chứng tích vật chất làm chứng cho văn hóa của ta, chúng ta không có kim tự tháp, cũng không có đền đài đình thự, cũng không có những công trình văn hóa lớn. Chúng ta chỉ có những con người. Quá khứ tồn đọng trong những con người và tương lai cũng chỉ là những con người. Mất những con người ưu tú và quả cảm là ta mất tất cả.

Không thể hài lòng với lời giải thích đơn giản là chế độ cộng sản tàn bạo. Tàn bạo không thể gỡ tội. Tàn bạo không phải là cái có thể muốn làm gì cũng được. Tàn bạo không thể được chấp nhận như một oan nghiệt để giải thích tội ác và sự nhảm nhí. Phải phản ứng, phải đánh bại sự tàn bạo.

Lịch sử Việt Nam đã mang nhiều vết nhơ. Quốc gia này đã róc mía lên đầu các tăng sĩ phật giáo, đã tru di tam tộc Nguyễn Trãi và Cao Bá Quát, đã tàn sát hàng trăm ngàn người công giáo. Quốc gia này đã giết và bỏ tù rất nhiều người chỉ vì họ là người cộng sản và cũng đã thủ tiêu và bỏ tù rất nhiều người chỉ vì họ không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản. Cái ngu nhất của những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam là họ đã không thuộc lịch sử của chính họ. Ngày xưa họ tranh đấu gian khổ cho một lý tưởng mà họ coi là chính nghĩa, để rồi ngày nay họ đi đàn áp những người tranh đấu cho chính nghĩa. Ở tù, họ đã chỉ học được cách tổ chức nhà tù; bị hành hạ, họ đã chỉ học được cách hành hạ người khác.

Câu hỏi tại sao lớn nhất có lẽ mỗi người Việt Nam phải đặt ra cho chính mình. Tại sao chúng ta lại có thể chấp nhận sự hung bạo một cách dễ dãi như vậy, hay đúng hơn tại sao chúng ta lại phản ứng yếu ớt như vậy trước sự gian ác? Nguyễn Đan Quế bị xử 20 năm tù, chúng ta bất bình rồi cũng thôi. Lần này đến lượt Đoàn Viết Hoạt sắp bị kết án chúng ta cũng sẽ bất bình rồi cũng thôi hay sao?

Hay là chúng ta chưa thực sự xứng đáng với dân chủ? Có những người chống cộng nhưng lại nghĩ rằng chúng ta chưa thể có dân chủ hoàn toàn và vẫn còn phải chấp nhận một liều lượng độc tài nào đó. Nhưng nếu như vậy thì ai có quyền độc tài? Tại sao lại không phải là Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt? Nếu như vậy thì Hoạt và Quế vẫn còn phải ở tù và nhiều người khác cũng vẫn sẽ còn phải ở tù.

Hay là chúng ta chỉ bệnh vực dân chủ khi nạn nhân là bạn ta? Khi Nguyễn Kim Điền, Nguyễn Văn Thuận, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan gặp khó khăn nhiều người cho đó là vấn đề của công giáo. Khi Quảng Độ, Huyền Quang, Tuệ Sĩ, Lê Mạnh Thát mắc nạn cũng có người coi đó là vấn đề của Phật Giáo. Khi Dương Thu Hương bị bắt giam có người nói đó là vấn đề nội bộ của cộng sản. Ngược lại năm ngàn ngày tù của Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế hình như không quan trọng bằng hai trăm ngày tù của Dương Thu Hương dưới mắt một số người đã từng đứng trong hàng ngũ cộng sản.

Chúng ta không thể tiếc rằng đất nước Việt Nam thiếu những Sakharov, Havel, Walesa. Những Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế... có thừa trí tuệ và đảm lược của những khuôn mặt lịch sử lớn. Nhưng vĩ nhân chỉ là sản phẩm của một dân tộc trong một giai đoạn lịch sử. Phải bảo vệ những con người đang đứng lên thách đố bạo lực. Hãy hành động dũng cảm và chúng ta sẽ xứng đáng để có những con người cần có.

Thông Luận

Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo theo pháp chế cộng sản Việt Nam

Trần Thanh Hiệp

Bài viết này, giới hạn vào tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, sẽ trích xuất từ Hiến pháp 1992 một vài điều khoản để lấy một trích phẩm (prélèvement) đánh giá Hiến pháp này theo đúng thực chất của nó. Mặt khác, nó còn là một chứng minh bổ sung nhằm thuyết phục - những ai còn hoặc cố ý hoặc vô tình tin vào thiện chí đổi mới của cộng sản Việt Nam, tin vào khả năng của thời gian để từng bước cải thiện chế độ - rằng không có con đường nào khác ngoài con đường đích thực dân chủ hoá ngay tức khắc chế độ.

Cuối tháng tư dương lịch vừa qua, nhân việc Hoà thượng Thích Đôn Hậu, Chánh thư ký xử lý Viện Tăng Thống viên tịch, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã có những can thiệp vào quyền tự do hành đạo của Phật giáo khiến giáo hội và Phật tử Việt Nam phải phản đối và phát động một cuộc tranh đấu bất bạo động bằng tuyệt thực có dự liệu tự thiêu để đòi thực thi quyền tự do tôn giáo. Kết cục, nhà cầm quyền cộng sản đã phải nhượng bộ trước sự cương quyết của Phật giáo nhưng thật ra họ chỉ làm một bước lùi trong chính sách trước sau như một của họ là lấn chiếm bằng mọi cách quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo mà các Hiến pháp của họ đã phải công nhận. Vụ đụng độ trực diện này tuy chỉ diễn ra trong một thời gian rất ngắn nhưng nó có đủ tính điển hình để được nghiên cứu và làm thuốc hiện hình cho thấy rõ thực trạng của quyền tự do tôn giáo dưới chế độ cộng sản Việt Nam.

Trước khi khảo sát quyền tự do tôn giáo trong khuôn khổ pháp chế cộng sản tại Việt Nam, thiết tưởng cần tìm hiểu quyền tự do này qua học lý và các văn bản pháp lý quốc tế về nhân quyền. Để so sánh. Để định tính và xếp hạng về mặt nhân quyền chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam.

I/ Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo qua các quy phạm pháp lý quốc tế về nhân quyền

Có một số rắc rối về mặt từ ngữ cần ưu tiên ghi nhận để tránh lẫn lộn danh từ. Trong tiếng Việt Nam, khác với tiếng Pháp hay tiếng Anh, thành ngữ tự do tín ngưỡng (liberté de croyance, freedom of belief) được dùng như có cùng một nghĩa với tự do tôn giáo, theo quan điểm phương tây (liberté de religion, freedom of religion). Năm trong sáu bản hiến pháp của hai miền Nam và Bắc chỉ nói "tự do tín ngưỡng" chứ không nói "tự do tôn giáo". Ngữ vựng quốc tế (Pháp hay Anh) về nhân quyền, trái lại, đặt trọng tâm vào tự do tôn giáo (liberté de religion, freedom of religion) và coi tự do tín ngưỡng (liberté de croyance, freedom of belief) rộng hơn tự do tôn giáo. Sự phân biệt này - như sẽ được nói rõ thêm ở dưới, không phải chỉ thuần túy là một khác biệt về từ ngữ, nó có những nguyên nhân sâu xa về mặt khái niệm - đã khai sinh ra hai xu hướng đối lập nhau trong nội bộ các cơ cấu quốc tế về

nhân quyền khiến việc chống kỳ thị tôn giáo bị trì trệ một thời gian khá dài, không theo kịp việc chống kỳ thị chủng tộc.

Qua học lý, án lệ (một cách gián tiếp) và các văn bản quốc tế về nhân quyền, ta hãy thử tìm hiểu khái niệm tự do tôn giáo và ghi lại một vài đặc điểm của quyền tự do này. Khuôn khổ chật hẹp của một bài báo không cho phép đi xa hơn việc khảo sát rất sơ lược quyền ấy ở giai đoạn chót của quá trình tiến hóa của nó, trong khoảng gần nửa thế kỷ nay, từ một ước nguyện được long trọng tôn xưng trở thành một quyền thực định kết tinh được hai khát vọng tự do và bình đẳng của con người, được công nhận và được bảo vệ ở mỗi quốc gia và trên toàn thế giới.

Có tám văn bản quốc tế - những văn bản gốc - đã xa gần góp phần qui định quyền tự do tôn giáo. Đó là Hiến chương Liên Hiệp Quốc (phần mở đầu), Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (các điều 18, 26), Tuyên ngôn của các nước Châu Mỹ về quyền và nghĩa vụ của con người (điều 3), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (điều 18 đoạn 1, 2 & 4), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (các điều 11, 13 đoạn 3), Công ước của Châu Âu về nhân quyền (điều 9 đoạn 1 và Hiệp định thư phụ đính 2), Công ước của Châu Mỹ về nhân quyền (điều 12 đoạn 1, 2 & 4), Tuyên ngôn về việc loại trừ mọi hình thức bất dung và phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo hay tín ngưỡng (điều 1 đến điều 8). Phụ đính các Công ước kể trên còn có một số Hiệp định thư (Protocoles) bổ túc cho những bản văn ấy về mặt áp dụng.

Dúc kết nội dung các văn bản này, ta có thể rút ra hai định nghĩa cho quyền tự do tôn giáo. Định nghĩa thứ nhất là một định nghĩa về hình thức (définition formelle): Tự do tôn giáo là một pháp quy (règle de droit) chung của nhân loại thiết lập một quyền tự do cơ bản vừa cá thể vừa tập thể của con người trên cả hai cương vị cá nhân cũng như công dân, có hiệu lực cưỡng chế (bắt buộc phải thi hành), tổng quát (áp dụng cho tất cả mọi người, không phân biệt đối xử) và phổ biến (ở tất cả mọi nơi trên thế giới). Định nghĩa thứ hai là một định nghĩa về nội dung (définition matérielle). Theo định nghĩa này thì quyền tự do tôn giáo là một bộ phận của khối quyền tự do tinh thần gồm có tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo. Bắt nguồn từ tự do tư tưởng, tự do lương tâm, tự do tôn giáo không phải chỉ là một quyền tự do đứng riêng rẽ, trái lại nó là một thành tố, một sự thể hiện của toàn bộ nhân cách con người. Nó phải bắt rễ sâu vào tận lương tâm của con người đồng thời phải hiện hành được rộng khắp phạm vi của tư tưởng, không giới hạn trong vòng nghi thức thờ tự. Như vậy nó là hai quyền hợp nhất, một quyền chủ quan để con người được hoàn toàn tự quyết định thầm kín ở trong lòng, theo lương tâm, một quyền khách quan để sự lựa chọn của lương tâm được tự do biểu lộ ra bên ngoài và được mọi người, kể cả Nhà nước, tôn

trọng. Đối với bản thân con người, quyền tự do tôn giáo là một quyền cá thể và bởi vì mỗi người còn được cùng với người khác hành sử quyền tự do tôn giáo nên quyền này đồng thời cũng là một quyền tập thể. Ngăn cản việc hành sử quyền tự do ấy, dù từ trong lương tâm hay ở sự biểu hiện của nó ở bên ngoài đều phải coi là hành động vi phạm nó. Phong tỏa lương tâm con người khiến nó không còn đủ khả năng để tự quyết là một vi phạm thô bạo nhất. Con người tùy theo lương tâm, tư tưởng của mình phải được quyền tự do lựa chọn một tôn giáo, một tín ngưỡng, một thâm tín. Nếu muốn thay đổi, nó được quyền thay đổi. Nếu muốn duy trì, nó cũng được quyền duy trì. Mặt khác, nó còn phải được quyền tự do biểu lộ sự lựa chọn của mình dưới những hình thức, nghi lễ theo giáo luật...

Dĩ nhiên quyền tự do nào cũng có những giới hạn của nó. Nhưng giới hạn không thể thủ tiêu nó và chỉ ở mức độ không ngăn cản tự do của người khác. Bởi thế nhân loại sau cuộc đệ nhị thế chiến đã thiết lập một số nhân quyền cơ bản trong đó quyền tự do tôn giáo là một. Bản Hiến chương Liên Hiệp Quốc, trong lời mở đầu có đoạn nói rằng các dân tộc họp thành Liên Hiệp Quốc kiên quyết "tôn xưng lại một lần nữa niềm tin của mình vào những quyền cơ bản của con người, vào phẩm cách của con người và vào giá trị của nhân vị". Điều 4 đoạn 2 "Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị" định rằng ngay cả trong trường hợp phải đối phó với tình trạng nguy cấp chung, đe dọa sự sống còn của tập thể, cũng không thể áp dụng những biện pháp vi phạm điều 6 (quyền sống của con người), điều 7 (quyền không thể bị tra tấn, bức hại hay chịu những hình phạt, đối xử độc ác vô nhân đạo và làm mất phẩm cách), điều 8 đoạn 1 & 2 (quyền không bị đầy đọa phải sống kiếp sống nô lệ), điều 11 (quyền không bị giam cầm chỉ vì không thi hành được những điều đã kết ước), điều 15 (quyền không phải chịu sự hồi tố của luật hình), điều 16 (quyền được công nhận có tư cách pháp nhân ở khắp nơi) và điều 18 (quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo). Công ước quốc tế này là một bản văn không phải để tôn xưng mà nhằm qui định những nghĩa vụ các quốc gia đã ký kết phải thi hành. Ta có thể tạm ví bản Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền như một hiến pháp và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị như một đạo luật tức là một cơ sở pháp lý mang lại hiệu lực thực định cho những quyền đã được tôn xưng. Trong phần nửa đầu thế kỷ này, chỉ có một số quốc gia tại châu Âu gọi là "các nước văn minh" chủ trương qui phạm hóa các nhân quyền. Nhưng từ phần nửa sau thế kỷ, nhất là trong những năm chót của nó, có thể nói chủ trương này đã trở thành chủ trương chung của thế giới. Do đó, các nhân quyền ấy có một giá trị phổ biến. Khi một nhân quyền đã được đưa lên hàng một quyền cơ bản như thế thì nó phải được các quốc gia ký kết tuyệt đối tôn trọng nghĩa là không được xâm phạm hay gián tiếp xóa bỏ bất kỳ vì lý do gì. Nói theo thuật ngữ luật học, đối với các quốc gia đã ký kết, các quyền cơ bản đã liệt kê trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị phải được đặt ở trên các luật thực định của các quốc gia này vì đó là những quyền "siêu thực định" (meta-positifs). Nói cụ thể hơn nữa, các nhân quyền cơ bản ràng buộc cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và không thể bị ba quyền này chi phối. (Cũng nên nhắc lại rằng chính quyền cộng sản Việt Nam đã ký ngày 24-9-1982 vào cả hai Công ước quốc tế về nhân quyền, không đưa ra điều khoản trừ ngoại - réserve - đặc biệt nào, chỉ có một lời tuyên bố đòi hỏi phải để cho tất cả mọi quốc gia đều được ký kết hai

Công ước này).

Cần bàn kỹ thêm về quyền tự do tôn giáo.

Trước hết, tự do tôn giáo là một quyền trừu tượng vì là một quyền tự do tinh thần. Vậy muốn cho nó thành cụ thể như quyền tự do thân thể, phải bổ trợ tự do tôn giáo bằng nhiều quyền tự do khác. Cả hai Công ước quốc tế về nhân quyền đều công nhận cho cha mẹ được quyền chọn trường cho con cái mình được giáo dục theo đúng tín ngưỡng, tôn giáo của mình, theo đúng nền luân lý mình thâm tín. Công ước của Châu Âu về nhân quyền công nhận cho cha mẹ được quyền tự giáo dục con cái theo tín ngưỡng, tôn giáo của riêng mình. Theo bản Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước của Châu Âu về nhân quyền, người nào cũng có quyền được tự do biểu lộ tôn giáo, tín ngưỡng của mình bằng những hình thức hành lễ theo đúng nghi lễ, tập tục (pratiques, practice, rite, observance). Tất cả những quyền tự do này đều phải chịu sự chi phối của nguyên tắc không được kỳ thị, nghĩa là không phân biệt đối xử (principe de non-discrimination, principle of non-discrimination) bất cứ vì lý do gì: chủng tộc, màu da, nam nữ, tiếng nói, tôn giáo, tiền bạc, gia thế, thành phần xã hội, ý kiến chính trị hay bất kỳ ý kiến gì...

Nguyên tắc không được kỳ thị vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng cần được đào sâu thêm. Nguyên tắc này đã tạo ra một cuộc tranh luận kéo dài nhiều năm trong nội bộ các cơ cấu quốc tế về nhân quyền, cho đến cuối kỳ mười năm 80 chưa ngã ngũ hẳn nhưng về mặt thực tế, sự sụp đổ gần như toàn bộ của phe xã hội chủ nghĩa đã củng cố ưu thế cho xu hướng còn lại. Tuy vậy cũng trong thực tế, nó cũng để lại những vết tích khó tẩy xóa, đó là sự phân biệt càng rõ rệt hơn giữa tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo. Cuộc tranh luận này thật ra chỉ là sự tiếp nối của xu hướng phát xuất từ thời Phục hưng, phủ nhận thần quyền tuyệt đối và đề xướng những nhân quyền độc lập và tự trị đối với thần quyền. Mặt khác, vì có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, nên đã xảy ra nạn bất dung tôn giáo. Do đó, muốn giải quyết vấn đề tự do tôn giáo phải giải quyết chằng chịt những mối quan hệ giữa Nhà nước với tôn giáo mà còn cả mối quan hệ giữa những tôn giáo, những tín ngưỡng với nhau. Tình trạng này đưa tới những mâu thuẫn gay gắt. Hữu thần không thể chấp nhận tự do vô thần. Ngược lại đã vô thần thì đương nhiên không thể quan niệm có tự do hữu thần. Điểm độc đáo trong quá trình tiến hóa của quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo vào thời điểm này có lẽ là sự kiện lòng tin vào một chủ nghĩa cũng được coi như là quyền tự do tín ngưỡng. Cho nên trong các tự điển, hiến pháp các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và mấy nước loại này còn sót lại, vấn đề tự do tôn giáo đã được đặt ra trên cơ sở đó. Vì vậy, có vấn đề hạn chế tự do tôn giáo và Nhà nước có vai trò trong việc giải quyết vấn đề này. Tưởng không nên quên rằng không thể có sự hạn chế quyền tự do tôn giáo chính danh - vì tự do này là một nhân quyền cơ bản - mà chỉ có sự hạn chế những hình thức biểu lộ quyền ấy mà thôi. Hạn chế tới đâu, ai có quyền hạn chế, hạn chế đối với ai, hạn chế dưới những hình thức nào v.v... đó là những đầu mối của nhiều tranh chấp rất khó giải quyết.

Ngoài nhìn lại, lướt qua bước phát triển chung dài gần nửa thế kỷ vừa qua của nhân quyền, chúng ta nhận thấy quyền tự do tôn giáo đã từng bước được thiết lập thành một quyền đứng riêng và có bề thế trong khối các quyền tự do tinh thần. Ghi dấu cho sự xuất hiện này là bản Tuyên ngôn ngày 25-11-1982 của Liên Hiệp

Quốc về việc loại trừ mọi hình thức bất dung và kỳ thị tôn giáo hay tín ngưỡng, với một lời mở đầu và 8 điều khoản sung thực cho quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng một nội dung đầy thực chất khách quan gồm cả những thể thức thực định hóa nó trong đời sống chính trị, xã hội mỗi quốc gia thành viên. Nhưng đồng thời sự xuất hiện một mình của bản văn này cũng nói lên sự thất bại của một công trình vận động ba mươi năm trường tại Liên Hiệp Quốc nhằm cho ra đời Công ước quốc tế cấm chỉ mọi hình thức bất dung tôn giáo, tín ngưỡng để cụ thể ràng buộc các quốc gia thành viên bằng những nghĩa vụ pháp lý - thay vì chỉ bằng những nghĩa vụ luân lý - do bản Tuyên ngôn ngày 25-11-1982 đã đề ra. Hiện giờ chưa có chỉ dấu gì cho thấy là bản Công ước ấy sẽ ra khỏi vòng thai nghén đã kéo dài từ 1962.

Cuộc khảo sát sơ lược - và vì thế chưa được đầy đủ - về quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng nói chung trên đây sẽ cung cấp cho chúng ta những yếu tố thẩm lượng vững chắc để tìm hiểu quyền này trong khuôn khổ chính sách tôn giáo cùng hệ thống pháp luật của chế độ cộng sản ở Việt Nam. Từ đó, chúng ta sẽ rút ra những nhận định và những kết luận theo đúng chiều hướng tiến hóa của nhân loại.

II/ Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo theo pháp chế cộng sản Việt Nam

Bản về một vài điều khoản của bản Hiến pháp 1992 không phải là muốn vớt vát nó chút ít. Một văn bản nhằm củng cố quyền hành cho một chế độ cực quyền toàn trị ở vào một thời đại mà dân chủ tự do đã trở thành nếp sống phổ biến, bình thường trên khắp thế giới chẳng có gì để vớt vát. Vậy nếu còn phải bàn về nó thì việc bàn luận này chỉ có mục đích đi vào cụ thể, nhìn cho thật gần, thật rõ thân phận của những con người còn phải sống dưới sự chi phối của nó. Nhìn để nhận diện các vấn đề đã có. Nhìn để tìm cách giải quyết chúng.

Kể từ ngày họ cầm quyền đến nay, cộng sản Việt Nam, trên lý thuyết, luôn luôn công nhận quyền tự do tín ngưỡng. Hiến pháp 1946, điều 8, công nhận "công dân Việt Nam có quyền... tự do tín ngưỡng"... Hiến pháp 1959, điều 26, định rằng "công dân... có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào"... Hiến pháp 1980, điều 68 giữ lại điều 26 này và thêm vào một đoạn mới theo đó "không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước". Hai nhận xét:

a/ Trong cách hành văn bằng tiếng Việt họ chỉ nói "tự do tín ngưỡng" không nói "tự do tôn giáo" nhưng theo mạch văn của những điều khoản liên hệ thì có thể hiểu rằng tự do tín ngưỡng cùng nghĩa với tự do tôn giáo. Tuy nhiên chẳng có gì bảo đảm rằng tuyệt đối phải hiểu như vậy. Mặt khác, khi dịch hiến pháp ra ngoại ngữ, cộng sản không dùng "liberté de croyance" mà chỉ dùng "liberté de conscience" (tự do lương tâm) để chuyển ra tiếng Pháp thành ngữ "tự do tín ngưỡng". Tự do lương tâm (liberté de conscience) tuy rộng hơn tự do tín ngưỡng (liberté de croyance) ở phạm vi nội tâm nhưng thiếu kích thước của sự biểu thị ra bên ngoài nên thiếu tính tôn giáo. Có lẽ cộng sản cố tìm đủ cách duy trì một tình trạng mập mờ để dễ bề uốn nắn thực tế và thao túng tôn giáo theo chính sách từng giai đoạn một của mình.

b/ Càng cầm quyền lâu, cộng sản càng xiết chặt tôn giáo, ngay cả về mặt lý thuyết. Từ những năm 80, cộng sản đã tăng cường

kềm chế tôn giáo bằng pháp luật, đặt ra một bao vây mới bằng pháp luật thêm vào bao vây chính trị bằng chính sách.

Tháng 4 năm 1992, nhân dịp sửa đổi hiến pháp và trước áp lực quốc tế, cộng sản đã phải quy định lại cho rõ hơn quyền tự do tín ngưỡng. Theo điều 70 của Hiến pháp năm 1992, "công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật...". So với cách quy định trong các hiến pháp trước thì nay đã có một vài tiến bộ; về mặt nhân quyền, cộng sản đã có những nhượng bộ cụ thể. Bước lùi này của cộng sản có thể giải thích bằng sự kiện ngày 24 tháng 9 năm 1982, Việt Nam đã ký vào hai Công ước quốc tế về nhân quyền và do đó nhà cầm quyền Việt Nam có những nghĩa vụ pháp lý quốc tế phải sắp xếp để hiến pháp và luật pháp Việt Nam công nhận tự do tôn giáo như một quyền đặc thù bên cạnh tự do tín ngưỡng trên cơ sở bình đẳng, không có phân biệt đối xử. Dưới ánh sáng của các văn bản quốc tế liệt kê ở phần trên, chúng ta có thể khẳng định rằng ở Việt Nam hiện nay, về mặt lý thuyết, người dân có quyền tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng và ngay như quyền này có bị pháp luật hạn chế chẳng nữa thì việc hạn chế ấy cũng không thể phá bỏ ranh giới - không thể vượt qua được - mà quy phạm quốc tế đã vạch ra cho những quyền tự do cơ bản của con người.

Dẫu vậy, chưa thể coi là ở Việt Nam, vấn đề tự do tôn giáo đã được giải quyết ổn thỏa.

Thứ nhất, cộng sản một mặt phân biệt rõ ràng tự do tín ngưỡng với tự do tôn giáo nhưng mặt khác có vẻ không đặt ra nguyên tắc coi các tín ngưỡng các tôn giáo đều ngang nhau, đều "bình đẳng trước pháp luật" mà muốn đặt tự do tín ngưỡng lên trên tự do tôn giáo (điều 70 của Hiến pháp 1992 không nói "các tín ngưỡng, tôn giáo đều bình đẳng..." mà chỉ nói các tôn giáo đều bình đẳng...). Điều này rất dễ hiểu. Theo quan điểm xã hội chủ nghĩa, "tín ngưỡng" vừa có nghĩa là một lòng tin vào tôn giáo lại vừa có nghĩa là một sự tín phục cực độ vào một chủ nghĩa và lấy chủ nghĩa ấy làm chuẩn tắc cho hành động. Suốt những năm 60, 70 khối những thành viên xã hội chủ nghĩa của Liên Hiệp Quốc, dưới sự đôn đốc của Liên Xô, đã mở ra một cuộc tranh cãi lòng thông trong nội bộ các cơ cấu nhân quyền của Liên Hiệp Quốc nhằm giành ưu thế cho quan điểm xã hội chủ nghĩa về tôn giáo, tín ngưỡng. Cuối năm 1967, trong các phiên họp của Ủy ban III của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, Liên Xô đã đạt được một biểu quyết của Ủy ban này theo đó cụm từ "tôn giáo hay tín ngưỡng" trong các bản dự thảo phải được hiểu như một thành ngữ bao gồm cả "tín ngưỡng hữu thần, phi thần và vô thần" (nguyên văn bằng tiếng Anh: the expression 'religion or belief' shall include theistic, non-theistic and atheistic belief, xin xem biên bản Đại hội đồng LHQ lần thứ XXVI, thông tri của Tổng thư ký). Chính quan điểm này đã gây trở ngại cho sự ra đời của Công ước quốc tế về loại trừ mọi hình thức bất dung tôn giáo.

Thứ hai, đoạn 3 của điều 70 Hiến pháp 1992, "không ai được... lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước", đã gây nên nhiều nghi ngại rằng với cách giải thích rộng rãi và tự do các duyên cớ "lợi dụng", "làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước", nhà cầm quyền cộng sản sẽ giới hạn tối đa tự do tôn giáo khiến quyền này mất hết thực chất và chỉ còn là một quyền lý thuyết, một quyền hình thức. Sẽ khó có tiêu chuẩn chắc chắn để định rõ thế nào là "lợi dụng", thế nào là "trái pháp luật", "trái chính sách". Đó là chưa kể trong Hiến

pháp 1992 còn nhiều điều khoản với những khái niệm mơ hồ, chủ quan, một chiều, như "tổ quốc xã hội chủ nghĩa", "lợi ích của Nhà nước", "sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" cho phép dựa vào Hiến pháp và pháp luật để đàn áp tôn giáo, nhất là với cộng sản, hiến pháp, luật pháp không có sự mạng thực hiện công lý mà chỉ có nhiệm vụ áp đặt chuyên chính cho một giai cấp. Tương cũng phải nhấn mạnh thêm rằng những khái niệm này không phải chỉ là những danh từ suông vì Bộ luật Hình sự đương hành của cộng sản đã dựa vào những khái niệm ấy để dự liệu những tội danh và những hình phạt có hiệu lực xâm phạm thô bạo đến sinh mạng, tự do con người như tử hình hoặc tù chung thân. Điều đáng quan tâm là ở Việt Nam, trong địa hạt nhân quyền, luật của chế độ vẫn còn ở dưới và rất xa những quy phạm quốc tế.

Về mặt lý thuyết thì như vậy, còn về mặt thực tế thì sao?

Cầm tướng rõ rệt nhất là trong phạm vi tôn giáo, Hiến pháp chỉ là chuyện xa vời. Văn bản thực tế chi phối mọi hoạt động tôn giáo không phải là Hiến pháp mà là Nghị định số 69 HDBT ngày 21-3-1991 của Hội đồng Bộ trưởng do Thủ tướng Đỗ Mười ký (ngày 02-02-1992, ban Tôn Giáo của nhà cầm quyền cộng sản đã phổ biến Thông Tư số 02/TP-TGCP để hướng dẫn thực hiện nghị định này). Đó là một đạo luật gồm 28 điều trong đó chỉ có vài ba điều xác nhận lại một cách chung chung quyền tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng cùng sự bảo đảm có điều kiện hai quyền tự do ấy, ngoài ra toàn là những điều khoản hạn chế khe khắt việc hành sử những quyền tự do này. Nói cách khác, tuy Hiến pháp 1992 là một đạo luật có hiệu lực pháp lý cao nhất nhưng nghị định số 69 HDBT với những điều khoản nó hạn chế các hoạt động tôn giáo lại vượt lên trên Hiến pháp vì trong thực tế nó đã vô hiệu hóa các quyền tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng là những nhân quyền cơ bản được ghi vào Hiến pháp! Thật vậy, các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay vẫn còn phải theo chế độ "xin phép trước" nghĩa là ngoài những hoạt động tôn giáo thông thường tại các nơi thờ tự theo tập quán và theo chương trình đăng ký hàng năm, mọi hoạt động tôn giáo khác "bất thường" hoặc "vượt ra ngoài tập quán thông thường" thì phải xin phép chính quyền và nếu chính quyền có cho phép mới được hoạt động. Ngoài ra chính quyền còn đòi hỏi trực tiếp kiểm soát việc đào tạo, bổ nhiệm, phong chức, chuyển chuyển các chức sắc, do giáo quyền ở trong nước cũng như do giáo quyền ở ngoài nước. Rõ ràng là một chế độ "kiểm duyệt" tôn giáo, chế độ tuy thi hành tại Pháp thế kỷ trước nhưng đã bãi bỏ từ đầu thế kỷ này, cả chế độ khai trình cũng bãi bỏ.

Thật ra đàn áp tôn giáo, tín ngưỡng vốn là chính sách có từ lâu của cộng sản. Hồi còn chiến tranh, cộng sản đã kết hợp đàn áp với ve vãn vì cần "đồng minh kháng chiến". Nhưng từ khi nắm được quyền trong cả nước, cộng sản vận dụng những cơ sở tôn giáo "yêu nước" để đi sâu vào nội bộ tôn giáo hầu chia rẽ tôn giáo làm suy yếu sức chống đối của tôn giáo đối với chính quyền. Cộng sản tuyệt đối nghi ngờ các tôn giáo, nhất là những tôn giáo có tổ chức, có hậu thuẫn quốc tế, không phải vì lý do ý hệ duy tâm chống duy vật mà vì lý do chính trị không muốn thấy tôn giáo trở thành những lực lượng đối lập có hàng ngũ, có bề thế. Vì vậy đã diễn ra những cuộc đàn áp tôn giáo có qui mô và tàn ác mà cộng sản đã thi hành khắp mặt và không chùn tay trước bất cứ một thủ đoạn gian ác nào, nhất là ở miền Nam từ sau 1975.

Vụ rắc rối nhân dịp tang lễ Hòa thượng Thích Đôn Hậu cuối

tháng 4 dương lịch vừa qua là một trải nghiệm mới chúng tôi - đúng như lời Thượng tọa Thích Minh Tâm sau đó đã tuyên bố tại chùa Khánh Anh giữa buổi lễ ghi nhớ công đức Hòa thượng Thích Đôn Hậu - rằng nhà cầm quyền cộng sản chưa hề có một cõi mở nào đối với Phật giáo. Việc chính quyền địa phương ở Huế, khởi đầu, và trung ương Hà Nội, tiếp theo, đã gây cản trở không để cho Giáo hội Phật giáo và Phật tử Việt Nam tự mình tổ chức tang lễ cho Hòa thượng Thích Đôn Hậu - Chánh thư ký xử lý Viện Tăng thống - là một hành động vi phạm các điều khoản liên hệ của các Công ước quốc tế về nhân quyền. Theo tin của hãng thông tấn AFP nhà cầm quyền cộng sản muốn đòi quyền chủ động tổ chức, đề cử Nguyễn Hữu Thọ, Phó Chủ tịch Quốc hội là Trưởng ban Tang lễ đứng ra làm lễ nhập tháp cho Hòa thượng Thích Đôn Hậu nại có rằng Hòa thượng là một nhân sĩ tôn giáo có lập trường "giải phóng", điều mà Giáo hội và Phật tử không chịu chấp nhận. Ta không có đầy đủ chi tiết về nội vụ. Nhưng khi đòi phải có sự hiện diện của phái đoàn chính quyền do Phó chủ tịch Quốc hội Nguyễn Hữu Thọ cầm đầu, với tư cách Trưởng ban Tang lễ, nhà cầm quyền cộng sản chỉ muốn thị uy hay muốn can thiệp hẳn vào nội bộ của Phật giáo? Cần phải nhấn mạnh rằng nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam hiện nay là một thành viên của Liên Hiệp Quốc đồng thời lại còn là nước đã ký vào các Công ước quốc tế về nhân quyền nên không thể cưỡng lại những quy phạm quốc tế theo đó tự do tôn giáo là một nhân quyền cơ bản mà luật quốc gia không thể phủ nhận dù dưới lý do gì. Những hạn chế mà các quy phạm này chấp nhận được chỉ có thể là những hạn chế về tổ chức, về nghi thức hành lễ của các tôn giáo. Tuy vậy, về điểm này, không phải là nhà cầm quyền muốn cấm gì cũng được. Những cấm đoán vì chỉ có tính cách thuần cảnh sát để giữ trật tự công cộng nên tuyệt đối không thể đụng tới nội dung quyền tự do cơ bản.

Để có yếu tố so sánh, ta hãy tạm lấy trường hợp nước Pháp làm thí dụ. Hoạt động tôn giáo tại Pháp được chi phối bởi đạo luật 1905 theo đó nhà chức trách có quyền giám thị những cuộc hội họp tôn giáo. Nhưng nếu hội họp trong nội địa nơi thờ tự thì nhà chức trách chỉ được can thiệp khi nào có đe dọa trước mắt trật tự công cộng. An lệ của Tham chính viện của Pháp giới hạn tối đa quyền giám thị ấy hoặc bằng cách cho rằng có sự suy đoán không có lý do để giám thị (présomption d'absence de motifs de police) - những cuộc lễ thông thường theo tập quán không có gì để giám thị - hoặc bằng cách đòi hỏi nhà chức trách không được nại ra những lý do chung chung mà phải viện dẫn được những lý do cụ thể, rõ rệt mới được quyền ngăn cấm. Mặt khác, cũng theo Tham chính viện của Pháp, quyền "cảnh sát" trong nội địa nơi thờ tự thuộc về người chủ tế, chủ lễ. Ngoài ra, những đám tang, đám rước tôn giáo theo nghi thức cổ truyền phải được suy đoán là không gây xáo trộn cho trật tự công cộng nên không có gì để cấm cản. Trong vụ tang lễ Hòa thượng Thích Đôn Hậu, nhận hay không nhận sự hiện diện của đại diện chính phủ là quyền cảnh sát của người chủ lễ. Nhà cầm quyền cộng sản có thể dùng ngoại giao để đòi hỏi sự hiện diện này nhưng không thể có hành động "cửa quyền", không lý gì đến quyền tự do tôn giáo, bắt ép Giáo hội và Phật tử phải tuân theo lệnh của mình.

Cũng nhân vụ này, người ta được biết là nhà cầm quyền cộng sản vẫn tiếp tục xiết chặt vòng vây chung quanh các chức sắc tôn giáo. Hòa thượng Quảng Độ, từ nơi bị quản thúc là Thái Bình, nguyên quán ở ngoài Bắc vào Saigon chữa bệnh. Hết hạn, không

được ở lại Saigon nhưng không chịu trở về nguyên quán, Hòa thượng Quảng Độ hiện nay đang ở vào tình trạng cư ngụ bất hợp pháp ngay trên đất nước mình và ngay trong những chùa mà trước đây hòa thượng đã trụ trì! Hòa thượng Huyền Quang cũng ở trong một hoàn cảnh tương tự. Rời nơi bị quản thúc là Quảng Ngãi vào Huế dự tang lễ Hòa thượng Thích Dôn Hậu, Hòa thượng Huyền Quang cứ tiếp tục ở lại Huế mặc dầu không được nhà cầm quyền địa phương cho phép ở. Và như vậy là cư ngụ bất hợp pháp...

Đến đây thì ta đã thấy được rằng nước ta còn quá lạc hậu về mặt nhân quyền, ít ra cả một thế kỷ. Nguyên nhân chính không phải vì dân trí nước ta thấp, đất nước ta nghèo mà tại chính trị nước ta còn quá lạc hậu và đảng cầm quyền, vì quyền lợi riêng của mình, đã ngăn cản đà tiến bộ chung. Vì thế, để có tiến bộ, không thể trông đợi vào thiện chí của chính quyền mà phải tranh đấu.

Trong tình thế những nạn nhân có quyền cơ bản bị lấn chiếm và để tranh đấu trong vòng hợp pháp, các tôn giáo tại Việt Nam có thể đưa ra một số yêu sách dưới đây, căn cứ vào các văn bản quốc tế về nhân quyền và Hiến pháp 1992:

1) hủy bỏ nghị định số 69/HDBT ngày 21 tháng 3 năm 1991 và Thông tư số 02/TT-TGCP ngày 02 tháng 2 năm 1992 về hoạt động tôn giáo vì các văn bản này đi ngược lại Hiến pháp 1992. Ban hành trước ngày sửa đổi hiến pháp, hai văn bản ấy không còn thích hợp nữa.

2) ban hành một đạo luật mới hay một nghị định mới về hoạt động tôn giáo, phù hợp với hiến pháp mới và nhất là với hai Công ước quốc tế về nhân quyền, quy định quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo như những quyền cơ bản, vừa cá thể vừa tập thể, không phải chịu bất kỳ một phân biệt đối xử nào, không phải chịu những giới hạn như chế độ "xin phép trước", "chấp thuận trước", "theo sự hướng dẫn" v.v...

3) giải tòa mọi lệnh cấm di chuyển, cấm hành đạo đối với các chức sắc tôn giáo, tu sĩ.

4) trả tự do cho các tu sĩ bị bắt giam mà chưa được xét xử; nếu đã xét xử rồi thì phóng thích trước thời hạn cho phù hợp với tinh thần hiến pháp mới.

5) hoàn trả, tùy trường hợp có bồi thường, cho các tôn giáo những cơ sở xã hội, giáo dục, văn hóa của các tôn giáo đã bị chính quyền tịch thu hay quản nhiệm.

6) thu hồi những quyết định cấm không cho phép các tôn giáo xuất bản văn hóa phẩm.

7) bãi bỏ mọi phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo đối với các tu sĩ trong các hoạt động văn hóa, xã hội, nghề nghiệp.

Về mối quan hệ giữa các tôn giáo với nhau, trong lịch sử chỉ có hai tiền lệ về bất dung tôn giáo, thế kỷ trước và thế kỷ này. Hai việc này xảy ra trong những hoàn cảnh đặc biệt trong đó có liên quan tới người nước ngoài. Nay các tôn giáo có cơ hội sống chung với nhau trong một nước Việt Nam độc lập thực sự. Những đụng độ tôn giáo trong quá khứ nay phải tìm hiểu cho đến ngọn nguồn.

Thật ra, giữa các giáo hội với nhau không chính thức có đụng độ. Chỉ có một bầu không khí do một vài luồng dư luận về phía các tín đồ gây nên những căng thẳng, có thể giải tỏa, nếu mọi phía có đủ thời gian để suy nghĩ, đắn đo, bàn luận, kiểm chứng, đối thoại. Rất nên tạo cơ hội trở lại vấn đề này và bàn sâu rộng hơn. Trong khi chờ đợi, tưởng có thể nêu ra dưới đây mấy tiền đề để mỗi người tự hỏi về mối tương quan giữa các tôn giáo với nhau ở Việt Nam:

1/ Việt Nam vốn có truyền thống Nhà nước thế tục. Truyền thống này còn giữ đến ngày nay. Cả sáu hiến pháp, bốn của "cộng

sản", hai của "tự do" đều chọn lập trường thế tục đối với các tôn giáo. Phật giáo ngay vào thời cực thịnh cũng không giữ ngôi vị một quốc giáo của Việt Nam mà chỉ "khung Việt", đứng bên cạnh để phò giúp.

2/ Việt Nam có những kinh nghiệm lâu đời về "tín ngưỡng", nhưng chỉ có những kinh nghiệm rất mới về "tôn giáo", với định nghĩa phương tây của danh từ. Theo cách người Việt Nam tin, đạo Khổng không phải là một tôn giáo, đạo Phật cũng không hẳn là một tôn giáo đạo Lão lại càng không phải là một tôn giáo. Việc tổng hợp cả ba đạo ấy lại thành một để có ý hệ "tam giáo" đã làm cho cả ba đạo mất đi tính tôn giáo ấy.

3/ Đã hai lần chịu tai họa về bất dung tôn giáo, người Việt Nam không có lý do gì để thấy nó lại tái diễn trên đất nước mình thêm một lần nữa. Hãy tạo nên một không gian chính trị, xã hội, văn hóa trong đó không có bất dung tôn giáo, như tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc đã cổ vũ, để các tôn giáo có quyền được sống chung.

Nhưng vấn đề hàng đầu của các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay không phải là nạn bất dung tôn giáo giữa các tôn giáo với nhau mà là chính sách đàn áp tôn giáo của nhà cầm quyền cộng sản. Các tôn giáo chắc đã ý thức được điều đó.

Chiếu rọi những ánh sáng mới vào khu vực quyền tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng như đã được quy định, trên lý thuyết, bởi Hiến pháp 1992 và đã được ban hành, trong thực tế, qua nghị định số 69/HDBT ngày 21-3-1991 và các văn bản pháp lý liên hệ khác, nói tóm lại, qua pháp chế cộng sản, chúng ta đã nhận chân được ý đồ rõ rệt của những người cầm quyền hiện nay trong nước muốn biến nền "chuyên chính vô sản" đã lung lay tận gốc thành một chế độ "cực quyền toàn trị" (totalitaire, totalitarian) nhằm kìm kẹp con người cả thể xác lẫn tinh thần, nhất là tinh thần. Tranh đấu thực tế đòi thực hiện nghiêm chỉnh và cụ thể tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo là quyền chính đáng, pháp định của các tôn giáo, của người dân theo đúng những quy phạm pháp lý mà nhà cầm quyền cộng sản đã cam kết với cộng đồng quốc tế là họ phải tôn trọng. Hàng triệu người Việt Nam gần nửa thế kỷ nay đã hi sinh xương máu để tranh đấu cho độc lập, tự do, hạnh phúc. Không thể có tự do, hạnh phúc nếu không có dân chủ, đó là sự thật hiển nhiên mà thời đại đã mang lại cho nhân loại. Con cháu những người Việt Nam đã ngã xuống, cho đất nước, có quyền được hưởng ngay bây giờ tự do dân chủ mà cha ông mình đã tạo dựng. Họ có quyền làm người với đầy đủ phẩm giá mà con người cần có, đáng có, phải có! Phải cương quyết bác bỏ quy chế những "con người hạng dưới" chỉ có những "nhân quyền hạng dưới", những "cùng đinh" của thời thực dân, mà vì tranh chấp ý hệ, cộng sản đã mượn nhiều danh nghĩa và tự cho mình quyền áp đặt trên đầu cổ tuyệt đại đa số người Việt Nam từ mấy chục năm nay. Thời đại này là thời đại của nhân quyền cơ bản, nhân quyền phổ biến, không có chỗ đứng cho "chuyên chính vô sản" cũng như bất cứ loại chuyên chính nào.

Tranh đấu cho tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo thực sự ở Việt Nam chẳng những là thực hiện một trong những nguyện vọng chính đáng của các tôn giáo, của mỗi tín đồ mà còn để đẩy lui áp bức, từng khu vực một, như những người cách mạng Pháp hơn hai thế kỷ trước đã làm khi họ cấm ranh những vùng họ đã tranh thủ được bằng những biển chỉ đường trên đó người ta thấy có viết hàng chữ: "Từ đây bắt đầu đất nước của tự do".

Trần Thanh Hiệp

Thông Luận 50 - Tháng 06.92

Trung Quốc và tiến trình dân chủ hóa

Sau biến cố đẫm máu Thiên An Môn và sự giải thể của cộng Liên Bang Xô Viết cùng sự tan rã của các chế độ cộng sản tại Đông Âu, Trung Quốc đi về đâu?

Quan sát kỹ tình hình, chúng ta thấy có những biến cố bắt buộc Trung Quốc sẽ phải đi vào con đường phù hợp với khuynh hướng chung của đà tiến hóa nhân loại, nghĩa là tiến trình dân chủ hóa.

Những biến cố này có thể xếp vào bốn loại.

Trước hết là tham vọng biến thành một cường quốc đại dương. Tham vọng này đã có từ thập niên 70. André Vigarité có viết trong tạp chí Défense Nationale (Quốc Phòng, Pháp, tháng 10-1984): "Trung Quốc là một trong mười nước có hạm đội lớn nhất thế giới, đứng vào hạng thứ 7 hoặc thứ 8 về mặt hải hành. Trung Quốc đã có trọng lượng đại dương (dân sự) ngang hàng với nước Pháp". Ngoài ra, người ta lại chứng kiến một bước tiến nhảy vọt của nền ngoại thương Trung Quốc: từ 3 tỷ USD vào năm 1967, con số này đã lên đến 43 tỷ USD vào năm 1981. Sự trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và Liên Bang Xô Viết hoàn toàn do đường bộ và chiếm một tỷ lệ rất thấp (1,78 tỷ USD vào năm 1985). Điều này cho phép khẳng định rằng bước tiến nhảy vọt của nền ngoại thương Trung Quốc hoàn toàn do đường biển và chỉ có thể thực hiện được nhờ một đội thương thuyền hùng hậu. Trung Quốc, từ một cường quốc lục địa bắt đầu đi vào con đường đại dương. Chủ nghĩa Marxisme phù hợp và nảy nở dễ dàng trên những quốc gia lục địa, nhưng sẽ không có đất dụng võ trong giai đoạn quốc gia đi vào con đường phát triển xuyên đại dương.

Biến cố thứ hai là chương trình phát triển đại qui mô vùng bờ biển phía nam Trung Quốc, được gọi là "vùng kinh tế đặc biệt". Tỉnh Quảng Đông, nằm sát biên giới Việt - Trung là trọng tâm của miền này. Quảng Đông đã thu hút một nửa số đầu tư ngoại quốc vào Trung Quốc và với 13,5 tỷ USD xuất khẩu đã chiếm một phần năm số hàng xuất khẩu toàn quốc. Ngoài ra, Quảng Đông còn xuất tiền đầu tư vào những chương trình làm ăn to lớn tại nước ngoài. Điển hình là chương trình xây dựng trung tâm thương mại Chinagora, tại thành phố Alfortville, ngoại ô phía tây Paris, rộng khoảng 43.000 m² và tốn 300 triệu FRF.

Những chương trình này đã bị phe lãnh đạo bảo thủ Trung Quốc tấn công. Họ cho rằng những thành quả kinh tế của các vùng duyên hải phía nam là những đầu cầu của tư bản ngoại quốc dùng để lũng đoạn chế độ xã hội chủ nghĩa tại Trung Quốc.

Nhưng nhóm bảo thủ đã bị Đặng Tiểu Bình bóp mũi. Chính thủ tướng Lý Bằng, đã đọc diễn văn trước 2.569 đại biểu quốc hội và 900 nhà báo, hô hào phải mạnh dạn đổi mới trong các cuộc cải cách. Đó là những tư tưởng chính của Đặng Tiểu Bình, trong

những cuộc kinh lý gần đây tại các tỉnh duyên hải miền nam, được phổ biến trong "Thông cáo số 2". Chẳng hạn, "phải giải phóng đầu óc, dám đổi mới và áp dụng những phương thức bạo dạn hơn để cải cách và mở cửa".

Song song, chính phủ Trung Quốc về văn các tổ chức quốc tế hầu mở mang nền ngoại thương mà cán cân luôn luôn âm về phía Trung Quốc. Lý Bằng, trong chuyến công du gần đây tại Tây Âu đã tuyên bố Trung Quốc sẽ làm tất cả những gì GATT đòi hỏi để được chấp nhận làm hội viên. GATT là cơ quan điều hành và phối hợp 90% mậu dịch thế giới.

Nhưng muốn được hưởng những lợi ích của các cơ quan quốc tế thì Trung Quốc phải trả một giá phải chăng nào đó. Chẳng hạn, Chương Trình Liên Hiệp Quốc Phụ Trách Phát Triển (UNDP), xếp hạng các nước chậm tiến (được hưởng trợ giúp của cơ quan này) tỷ lệ thuận với những mức độ tự do dân chủ được thi hành.

Biến cố thứ ba là sự hoàn trả Hồng Kông cho Trung Quốc vào năm 1997. Trung Quốc muốn dùng Hồng Kông làm cửa ngõ thứ hai sau Thượng Hải để phát triển thương mại, nhưng không muốn phạm phải những sai lầm tại Thượng Hải. Họ đã áp đặt một chế độ chuyên chính toàn trị tại thành phố này. Tư bản và doanh nhân Thượng Hải đã bỏ chạy. Điều đó có nghĩa là, tại Hồng Kông, trao đổi sẽ hai chiều: thương mại đổi dân chủ. Các doanh nhân và tư bản Hồng Kông chỉ ở lại sau 1997 với một số điều kiện về thể chế chính trị tại đây.

Một món khai vị đã được dọn. Đó là cuộc bầu cử tự do đầu tiên đã được tổ chức vào đầu tháng 9-1991, tại Hồng Kông, sau 150 năm dưới quyền quản trị của thuộc địa Anh. Phong trào "Dân Chủ Hợp Nhất" do luật sư Martin Lee đã chiếm 16 trên 18 ghế của Hội Đồng Lập Pháp thành phố Hồng Kông.

Biến cố thứ tư là tiến trình dân chủ hóa của các nước trong vùng Đông Nam Á. Tiến trình này làm luận điệu của các nhà lãnh đạo dùng như là một leitmotiv, hoàn toàn sụp đổ. Đó là luận điệu cho rằng tự do, dân chủ, nhân quyền theo mẫu Tây Âu không phù hợp với truyền thống cũng như trình độ dân trí của các nước Châu Á.

Khuôn mặt Aung San Suu Kyi, lãnh tụ đối lập Miến Điện, giải Nobel Hòa Bình 1991, là "biểu tượng cho một cuộc đấu thân tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền".

Chế độ dân chủ tại Phi Luật Tân, lại là bằng chứng phủ định khác. Tiến trình dân chủ hóa tại xứ này, đã được thử thách và trưởng thành qua các cuộc đảo chánh hụt cùng cuộc tranh chấp giữa hành pháp và lập pháp xuyên qua thỏa ước gia hạn cho Mỹ thuê căn cứ quân sự thủy không Subic. Gần đây, cuộc bầu cử tổng thống lương thiện tại Phi Luật Tân cho phép nghĩ rằng dân chủ đã đạt tới mức độ bất khả hồi.

Tại Thái Lan, chế độ quân phiệt được xem như bắt đầu đi vào con đường phá sản, sau những cuộc biểu tình đẫm máu. Ngọn đuốc dân chủ bắt đầu bùng sáng.

Trên đây là một số dữ kiện khách quan, có thể giúp tiến trình dân chủ hóa được thiết lập tại Trung Quốc. Nói một cách khoa học, dân chủ có một tính khả thi (faisabilité, workability) đáng kể tại xứ này. Nhưng dân chủ không phải là một món quà được ban phát. Muốn có thì phải giành lấy...

Huỳnh Hùng

"Những cái cầu sắp sập"⁽¹⁾

Trịnh Văn Thảo

Trịnh Văn Thảo, 56 tuổi, cựu khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Amiens, hiện là giáo sư xã hội học Đại Học Aix-en-Provence.

Trở về thăm quê hương khi mẹ tôi còn sống những ngày cuối cùng của một đời người đầy gian nan thử thách - cũng như bao nhiêu người mẹ Việt Nam khác - tôi đã từng chứng kiến những cảnh sụp đổ trong lòng đất cũng như trong lòng người... Hình ảnh những cái cầu sắp sập chung quanh thành phố Sài Gòn tiếp tục ám ảnh tâm tư tôi một cách triền miên, vô cớ, không hiểu tại sao. Những cái cầu sắp sập và những cái cầu đã sập trên đất nước ta từ sau mùa thu 45.

Những dòng cảm nghĩ trên khơi mào cho câu chuyện trí thức, đặc biệt là trí thức Việt Nam. Chắc đã đến lúc những kẻ u mê nhất của cái xã hội độc thoại, độc đảng cũng nhận chân ra được rằng không có sự tiến bộ, phát triển kinh tế và xã hội nào có thể thực hiện ngoài hay chống lại sự tiến bộ của trí tuệ, của tư tưởng cũng như không có tiến bộ của tư tưởng ngoài phạm vi sinh hoạt của thành phần trí thức.

Trong quá trình cách mạng xã hội tại Việt Nam, người ta thường "cóp" của cộng sản Trung Quốc nhiều cái hay và cũng lắm điều dở mà ở đây tôi không có ý bàn đến. Tôi chỉ muốn nói đến một hiểu lầm tai hại về "Tư tưởng Mao Trạch Đông" đã được du nhập và tiếp thu trong hàng ngũ cộng sản Việt Nam. Đó là quan niệm chống trí thức được phát hiện trong cuộc "chỉnh huấn" trí thức tại Diên An vào những ngày đầu của cuộc trường chinh của cộng sản Trung Quốc hay gần đây trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa vào những năm 60. Thái độ hạ bệ hàng ngũ trí thức có thể là một trong những khía cạnh tiêu biểu của thành phần trung cấp đảng cộng sản Trung Quốc, xuất phát từ các tầng lớp bản cố nông (ít học, thiếu văn hóa và kinh nghiệm luận) và do đó đã du nhập vào đảng cộng sản Việt Nam (cũng bị những thành phần tương tự chi phối). *Nhưng không thể gán cho Mao nhãn hiệu chống trí thức.* Con người, tác phong và tác phẩm văn học theo nghĩa rộng (thơ văn, thuyết trình, báo cáo, công trình nghiên cứu đủ loại) chứng minh cụ thể quan hệ của tư tưởng, lý thuyết trong cuộc đời cách mạng của ông ta. Ngoài ra, những vị lãnh tụ khác như Lưu Thiếu Kỳ... đều là những nhà lý luận có giá trị. Nói một cách khác, họ có tầm thước và tham vọng trở thành những ông Vua triết (Roi-philosophe) của Platon.

Xu hướng thần phục ý thức hệ Trung Quốc

Như vậy, xu hướng chống trí thức (anti-intellectualiste) trong đảng cộng sản Việt Nam không phải xuất phát từ tư tưởng Mao Trạch Đông mà được cấu tạo từ mặc cảm tự ti của ông cha ta để

lại. Tinh thần vọng ngoại - nhất là thái độ thần phục ý thức hệ Trung Hoa được đặc biệt đề cao một cách vô tình hay ý thức dưới triều đại cuối cùng của nhà Nguyễn. Nó được thể hiện một cách cụ thể qua cuộc đấu tranh văn hóa của lớp sĩ phu Nho giáo hầu kéo dài những ngày cuối cùng của lối học khoa cử mà chính Trung Hoa đã bãi bỏ ngay trong những năm đầu của thế kỷ này. Với sự đồng tình của Nhà nước thuộc địa (Paul Beau, H. Gourdon), triều đình Huế và lớp thư lại bảo thủ đã từng trấn áp mọi ý đồ "đổi mới" của những Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, các sĩ phu Nho giáo chỉ bỏ cuộc năm 1915 và tiếp thu hệ thống giáo dục mới (hệ thống Pháp - Việt) từ năm 1918. Do đó ta có thể hiểu được một phần câu trả lời rất là "độc đáo" của Hồ Chí Minh khi trả lời một nhà báo ngoại quốc về sự đóng góp quá khiêm nhường của đảng cộng sản Việt Nam trong công trình phát triển tư tưởng Mác - Lênin: *"chỉ là chuyện thừa khi ta đã có tư tưởng Mao Trạch Đông..."*. Đây phải chăng là một lời tuyên bố "vô tiền khoáng hậu" trong lịch Việt Nam? Xét cho cùng, nếu ta có thể tiếc cho một lãnh tụ tầm thước như Hồ Chí Minh lại quá giản đơn đến nỗi đồng hóa tư tưởng dân tộc với ngoại bang, thì ta cũng phải công nhận thái độ này không có gì mới lạ trong lịch sử ý thức hệ. Nó phản ảnh chủ nghĩa "thần phục" tư tưởng của ông cha ta để lại. Nguyễn Lộ Trạch cách đây không đầy một thế kỷ cũng có lần dở khóc dở cười khi biết được "mưu đồ" chiến lược của vua Tự Đức và quần thần trước áp lực quân sự của thực dân: nhờ cậy vào sự giúp đỡ của "thiên triều", trong khi chính triều đình Mãn Thanh cũng đang vỡ ra từng mảnh trước sự tấn công của liệt cường Âu Mỹ. Sự kiện này cũng cho ta thấy *những giới hạn nghiêm trọng* của cái gọi là *tinh thần tự cường tự chủ* của ông cha ta và những sĩ phu dân tộc. Họ là những người dưng cảm, thông minh, có nhân nghĩa nhưng lại thừa hưởng những cái tiêu cực của hệ thống Nho giáo: câu nệ hình thức (2), lễ nghĩa bề ngoài, bảo thủ... và cuối cùng từ chối mọi ý kiến sáng tạo. Trong định luật chung đó, chỉ lâu lâu mới thấy lóe lên một vài trường hợp ngoại lệ như dưới thời nhà Lý (qua vài nhân vật chịu ảnh hưởng của Phật giáo), nhà Trần (Chu Văn An), nhà Tây Sơn (Nguyễn Huệ). Có ý thức được điều đó mới giúp ta đặt đúng vai trò của tư tưởng trong giai đoạn lịch sử hiện tại và nhận chân vai trò cùng những đặc tính tiêu biểu của thành phần trí thức trong xã hội Việt Nam ngày nay.

Nhìn lại báo chí, sách vở xuất bản trong và ngoài nước từ nửa thế kỷ qua, ta thấy cứ mỗi chu kỳ chừng hai ba mươi năm, câu chuyện trí thức và xã hội lại được tung ra làm đề tài thảo luận sôi nổi, không rõ tại sao và trong mục đích gì? Tôi còn nhớ rõ những

năm 40, 60. Tôi đề nghị với lớp trẻ dưới 30 nên đọc qua quyển Hồi ký (viết hơi vội!) của Mai Văn Bộ về tác phẩm và cuộc đời của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước và nhất là bộ Hồi ký của nhạc sĩ Phạm Duy để sống lại một phần nào những cảm nghĩ của lớp thanh thiếu niên Việt Nam những ngày đầu trong cuộc đấu tranh giành Độc Lập. Từ tiếng gọi "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu" vào những ngày đầu của "một thu rồi ngày hăm ba ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến" đến tiếng "chìm gọi đàn" những năm 60 lúc Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam chuẩn bị cuộc "Đồng khởi", biết bao lần người trí thức Việt Nam đã được chiếu cố, kêu gọi. Có nhiều người đã phản văn hay lưỡng lự nhưng cũng có nhiều người khác dũng cảm "đấn thân". Biết bao lần cha mẹ, vợ con, anh em, thân nhân, bạn bè của những người trí thức đã lo sợ, buồn khóc khi họ bị tù đày, đánh đập và cũng có nhiều người mang tật suốt đời vì bị tra tấn, có người đã mất mạng. Trước tám thảm kịch chung của đất nước ngày hôm nay, người trí thức có được "ưu đãi" hơn những thành phần khác trong xã hội không? Một Dương Thu Hương hay Nguyễn Đan Quế liệu có thể làm quên đi những người vô danh khác không?

Quan hệ gián tiếp với chính quyền, nhà nước

Nói cho cùng, sự động viên thành phần trí thức trong công cuộc cách mạng tư sản (trước 1945) hay xã hội chủ nghĩa là một nhu cầu thiết yếu của mọi phong trào lịch sử, xứ nào, thời nào cũng có dù dưới hình thức "tô tem" của các bộ lạc bán khai hay dưới ngọn cờ "lao động vinh quang" không có gì là "đấn tộc tính" cả. Nhưng ở Việt Nam, "đề cao hàng ngũ trí thức" hay xu hướng tự tăng bốc (auto-consécration) từ lâu đã trở thành một "cá tính dân tộc", hay đúng hơn cá tính của xã hội Nho giáo... Ai còn nghi ngờ điều đó cứ lần dở hai tập sách dày của bộ "Tim hiểu kho sách Hán Nôm" của Trần Văn Giáp (nhà xuất bản Hà Nội, 1984). Tóm tắt khoa học của nền văn học nước nhà từ mấy thế kỷ nằm gọn trong hai tập này. Qua nó, ta đánh giá được một phần nào quan hệ "môi rãng" giữa chính quyền và trí thức trong xã hội ta từ ngàn xưa. Nhà xã hội học François Jullien từng định nghĩa quan hệ trí thức và nhà nước Đông phương như là *quan hệ nghiêng* (oblique) hay *vòng tròn* (circulaire) theo hệ thống: Triều đình - Trí thức - Triều đình (đề cao - tán tụng - đề cao) được tóm tắt trong thuyết Thiên Mệnh (3). Nói một cách khác, kế ước xã hội Đông phương khác với xã hội phong kiến Tây phương ở chỗ nó dựa trên sự *đối thoại tay ba*: giữa người dân (*nông dân*) và nhà nước (*triều đình*) qua vai trò "trung gian" của giai cấp *trí thức*. (Xem Diêm thuyết luận thì thấy rõ điều đó (4)). Tại sao ta có thể định nghĩa quan hệ này là quan hệ bất bình đẳng?

Trước hết phải tìm hiểu quan hệ này xuất hiện từ lúc nào và ở đâu? Có người nói nó xuất phát từ lúc Nho giáo mới lên nắm vai trò độc tôn trong hệ thống chính trị Trung Hoa. Thật vậy, sự cấu kết giữa thành phần trí thức và nhà nước Đông phương hầu như được thành hình vĩnh viễn khi nhà Hán công nhận Nho giáo là "chính giáo", nghĩa là ý thức hệ chính thống của nhà nước và thiết lập *hệ thống quan liêu* dựa trên *nguyên tắc thi cử* để lựa chọn nhân tài. Phải nói ngay rằng sự kiện này không phải là mục tiêu chính của tư tưởng Khổng Mạnh. Khởi nguyên, hệ tư tưởng này chỉ nhằm phản đối chế độ quân quyền (féodalité militaire) đã lỗi cuốn Trung Hoa thời Xuân Thu (Đông Chu) trên con đường suy đồi, khủng hoảng cùng cực. Chính vì vậy mà trường phái của các ông bị giai cấp lãnh đạo thời ấy tẩy chay và rút cục thất bại triền miên cho đến cuối đời Tần Thủy Hoàng. Trên phương diện chính

trị, nó bị phái Pháp gia trấn áp cho đến khi nhà Hán lập nghiệp. Bắt đầu từ đó, hệ thống xã hội Khổng Mạnh mới được xây dựng dần dần trên cơ sở quan hệ hữu cơ giữa ba thành phần: nhà nước tập trung quân chủ, nhà nho và nông dân, đánh dấu sự suy đồi lâu dài của lớp công và thương nghệ. Cấu trúc một *xã hội nông nghiệp văn minh* được xây dựng từ đó và làm mẫu mực cho các quốc gia lân cận thuộc hệ thống văn óa Trung Hoa (Le monde sinisé theo Vandermeersch).

Tính chất hai chiều (ambivalent) của trí thức Việt Nam

Trải qua hơn hai nghìn năm lịch sử, giai cấp trí thức nho giáo đã dần dần chiếm giữ một vị trí, vai trò và quyền hạn nhất định trong xã hội và mang đủ tính chất *giai cấp xã hội* tự nó và cho nó mặc dù nó không phải là một "lực lượng sản xuất" theo nghĩa (hẹp) của Marx, mà cũng không hẳn là một giai tầng ý thức hệ như giai cấp tu sĩ (clergé) Tây phương theo quan điểm của Max Weber. Đó là một giai cấp chức vụ xuất phát từ hàng ngũ kẻ sĩ (học trò) lấy tư bản ký hiệu, tạm dịch từ chữ capital symbolique của Pierre Bourdieu (văn hay chữ tốt, am hiểu sách thánh hiền, thiên về đạo đức học và sử học, coi thường khoa học thực dụng) làm vốn liếng phục vụ nhà nước hay kiếm ăn trong dân gian bằng nghề dạy học, trị bệnh, thờ cúng tổ tiên... Tính chất hai chiều đó giải thích vì sao giai cấp trí thức nói chung được trọng vọng mặc dù sự trọng vọng đó không đặt lên trên tiêu chuẩn thuần vật chất cũng như tiêu chuẩn tinh thần. Địa vị ưu đãi ấy trước hết là do vốn liếng văn học (đã nói trên), kể đến địa vị trong trường ốc và quan trường, cuối cùng tư cách (đạo đức) nho phong khi về hưu dạy học. Cuộc đời nhà nho xưa tóm tắt trong hai chữ "Chính giáo" như Dương Bá Trạc từng đã nói (Tiếng gọi đàn).

Cứ nhìn giai cấp này vào những ngày cuối cùng của lịch sử dân tộc thì thấy rõ. Khi đất nước ta rơi vào chế độ thuộc địa, khi triều đình Huế bị gò bó trong khuôn khổ của chế độ Bảo hộ (có tiếng trị vì nhưng không còn thực quyền gì cả), cơ sở quan trường không còn nữa, đáng lý giai cấp trí thức phải phân hóa mau chóng và biến thể như bên Trung Hoa (trở thành một bộ phận hữu cơ của giai cấp thống trị kiểu mới, Gentry). Sự thực không xảy ra theo mô hình Trung Hoa trên phương diện thời gian cũng như qua thể thức hóa. Thứ nhất là chế độ trường ốc vẫn tồn tại rất lâu và đã trấn áp lâu dài một chế độ giáo dục thuộc địa (Ecole franco-indigène) ốm còi không có sức sống. Triều đình cũng như hàng ngũ sĩ phu, và cả dân chúng vẫn tiếp tục gởi con em mình cho các cụ đồ dạy dỗ, xem đó như là thành trì kiên cố bảo tồn "quốc hồn, quốc túy" của dân tộc trong khi sĩ phu Trung Hoa (sáng suốt hơn?) đã bỏ cuộc không kèn, không trống từ lâu (1905). Mãi đến những năm 1938, những phúc trình điều tra của giới thanh tra giáo dục thuộc địa ở những vùng Trung bắc như Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh còn ghi lại những con số thống kê chứng tỏ sự có mặt của Nho học bên cạnh Tây học (5). Phải chăng vai trò tượng trưng của các Nho gia "cải lương" thời kỳ Đông kinh nghĩa thực như Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế... đã để lại trong chúng ta một ấn tượng tốt vượt khỏi uy tín một Khang, một Lương cuối thời Mãn Thanh? Mặc dù cuộc "cách mạng văn hóa" mà các cụ mong muốn thực hiện trong phạm vi một nước thuộc địa đã bị chính quyền thực dân (đặc biệt là Toàn quyền Klobukowski) phản bội và phá hoại tinh thần và môi trường hoạt động của phong trào Duy Tân mà các cụ đã phác họa (cải tổ giáo dục theo con đường khoa học, sử dụng tối đa chữ quốc ngữ, khước trương kỹ nghệ trong khuôn khổ tư bản yêu nước và tư bản dân tộc, xây dựng

một nền văn học hiện đại dung hòa tư tưởng và ngôn ngữ Đông Tây) đã được tiếp thu một cách gián tiếp hoặc công khai qua các phong trào văn học đáng kể trong gần ba thập niên từ 1920 đến 1945 (Nam Phong, Tự Lực Văn Đoàn, Tri Tân, Thanh Nghị...)? Nhờ vậy mà tầng lớp sĩ phu ta đã chấp nhận nền Tây học trong những điều kiện tốt, đại bộ phận lớp trí thức mới (ngoại trừ một thiểu số "mất gốc" không đáng kể) vẫn còn giữ gìn vốn liếng văn hóa Nho giáo mặc dù xã hội đã thay đổi (học vấn, nghề nghiệp, ngôn ngữ...) từ một ông giáo tỉnh như Bàng Bá Lân, Nguyễn Công Hoan cho đến một giáo chức đại học như Bùi Kỳ, Phạm Quỳnh, nhà văn Nguyễn Hồng, Vũ Trọng Phụng không có hoặc chỉ có bằng tiểu học cho đến thạc sĩ toán học Hoàng Xuân Hãn. Truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc (hấp thụ từ nền văn hóa Trung Hoa) đã giải thích một phần nào sự tồn tại của thành phần trí thức ta trong một xã hội đã đổi mới: xã hội thuộc địa. Dù đã bị mất chân đứng trong chính trường (quan trường đã trở thành vô dụng), lớp trí thức Việt Nam đã biết bám chặt vào "xã hội công dân" để sinh tồn, làm những nghề không giàu sang nhưng đủ sống: công chức trung lưu, dạy học nhất là ở các trường tư thực cần thiết trong một hệ thống giáo dục kém khuyết về phẩm cũng như về lượng. Đến đây, ta có thể nói rằng giai cấp trí thức đã cáo chung nhưng chức vụ trí thức vẫn trường tồn. Những thành phần còn sống sót của giai cấp trí thức Việt Nam dần dần đã đồng hóa với thành phần trung lưu thành thị. Trong giai đoạn này, ta có thể so sánh thành phần trí thức (ngày càng tập trung ở các đô thị chính, nghĩa là nơi xuất phát những hình thức thông tin hiện đại như báo chí, nhà in, nhà xuất bản, thị trường văn hóa) với một "tập thể áp lực" theo kiểu "Intelligentsia" của thế giới thứ ba (trong giai đoạn giao thời) hay bên Nga thời tiền cách mạng.

Tuy nhiên, mặc dù đã mất đi một số cá tính giai cấp của thời tiền thuộc địa, tập thể trí thức Việt Nam vẫn còn duy trì một số giá trị ý thức hệ cũ trong một khung lịch sử xã hội mới. Phải quan sát một số dữ kiện cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị cuộc Cách mạng tháng 8 mới nhận chân được thực chất của tập thể đó như Marx đã từng nói: chỉ trong hoàn cảnh một xã hội cực kỳ khủng hoảng ta mới THẤY vị trí của từng giai cấp bị dao động. Trong lịch sử hiện đại, ta có trải qua hai lần thử thách lớn: phong trào Mặt Trận Bình Dân (1936) và thời kỳ Pháp Nhật (1940-1945). Qua hai cuộc "bể dâu" này, ta thấy gì nếu không là sự biểu dương "tích cực" và "cách mạng" của chủ nghĩa yêu nước của sĩ phu dân tộc (vì tổ quốc, giành độc lập). Ngay một vị vua "nhu nhược" như Bảo Đại cũng đã nói được một câu làm vinh dự đời ông: "Thà làm dân một nước tự chủ hơn làm vua một xứ nô lệ". So với cuộc trường chinh của đảng cộng sản Trung Quốc, chính quyền Hồ Chí Minh đã thừa hưởng một cách trọn vẹn truyền thống yêu nước và tinh thần THỦY CHUNG của trí thức ta. Nếu sau đó, đảng cộng sản Việt Nam rơi vào xu hướng "dân túy" (populisme) để phân bội hàng ngũ trí thức mà họ xem như "sâu dân một nước" (parasitisme) là trách nhiệm của họ trước lịch sử (6). Qua thời kỳ thực dân chủ nghĩa gần một thế kỷ đến cuộc kháng chiến "thần thánh" (lời của Trường Chinh) chống thực dân, trí thức Việt Nam đã chứng minh một cách cụ thể quan hệ thực tiễn giữa chức vụ xã hội của mình, của tập thể mình và số mệnh của dân tộc. Thành phần trí thức ngày nay tuy không còn là giai cấp sĩ phu thời trước mà không hẳn là một "bộ phận" của giai cấp lao động của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nếu ta có thể trình bày lịch trình tiến hóa của trí thức Việt Nam từ một thế kỷ qua như là sự tiếp nối của ba giòng thế hệ: thế hệ Cần vương, thế hệ Duy Tân và thế hệ Nguyễn An Ninh (7) với

những đặc thù riêng của từng thế hệ: nguồn gốc gia đình, địa phương, nhà trường, nghề nghiệp, tác phẩm..., không có gì cho phép quả quyết thực tế một sự đứt đoạn "không thể đảo ngược" (une rupture irréversible) trong quan điểm đạo đức, ý thức hệ và nhân sinh của trí thức Việt Nam. Khác với Trung Quốc, ta không có những hiện tượng gián đoạn có ý nghĩa, những nhà văn hay nhà triết "phản đạo" (iconoclaste) tiêu biểu như Nghiêm Phục, Lỗ Tấn, Tào Ngưu, Quách Mặc Nhược...

Điều này có thể giải thích một phần nào tại sao hơn gần nửa thế kỷ uốn nắn, nhồi sọ, đảng cộng sản Việt Nam không tiêu diệt nổi hoàn toàn "nhô phong" của người trí thức Việt nam. Và cũng giải thích tình trạng căng thẳng, khủng hoảng đối lập với nhà nước cộng sản của hàng ngũ trí thức trong cũng như ngoài nước. Mặt khác, sự chống đối của người trí thức ta vẫn còn giới hạn trong khuôn khổ đạo đức Đông phương, nghĩa là giới hạn trên bình diện luân lý. Ưu và nhược điểm của ông cha ta nằm ở chỗ đó. Làm sao để thoát ly với xu hướng vọng ngoại hay Trung Quốc chủ nghĩa (sinocentrisme) và không đứt đoạn với lịch sử (8)?

Trí thức Việt Nam còn là những diễn viên đáng kể trong xã hội ngày mai hay là sẽ chịu số phận hẩm hiu của những cái cầu sắp đổ?

Trịnh Văn Thảo
(1992, Xuân)

- (1) Đề tựa một bài báo trên Diễn Đàn số 1 và 2 (1991), Paris
- (2) Nhiều trí thức vì một cái phẩy không đúng chỗ, một chữ dùng sai, cãi nhau, ậm ọe nhau như đó là những vấn đề sinh tử cho nhân loại. Vì quá câu nệ hình thức mà không chịu sáng tác, sợ văn không hay chữ không tốt, nhầm lẫn phương tiện với cứu cánh. Đó cũng là một cố tật của nhà Nho vậy! Phải vừa nhìn ngón tay trỏ trắng nhưng cũng đừng quên trăng!
- (3) Tôi bây giờ nghĩ người ta thường định nghĩa, nhất là bên Tây phương, thuyết Thiên mệnh như là một khế ước xã hội dựa trên đạo đức kẻ cầm quyền. Ít ai thấy rằng nó còn là một khế ước chính trị giải thích vai trò hai chiều của kẻ sĩ đối với Triều đình: vừa là công cụ trị dân, vừa là thành phần đại diện quyền lợi người dân trước áp lực của Nhà nước Đông phương. Tính chất hai chiều đó được thể hiện qua sự phân chia (rất tế nhị) hàng ngũ trí thức hai loại: trí thức công chức (quan liêu) và trí thức công dân. Do đó đoàn kết giữa thành phần (giai cấp) trí thức và giai cấp lãnh đạo không thuần nhất hay một chiều như người ta thường quả quyết. Nó rất linh động và tùy thuộc rất nhiều ở thời cơ, hoàn cảnh.
- (4) Tài liệu lịch sử Trung Quốc từ thế kỷ thứ 1 Tây lịch để lại.
- (5) Xem "Une expérience inter-culturelle de la socialisation: l'Ecole franco-indigène en Indochine" sắp xuất bản (Kharthala).
- (6) Muốn chia sẻ tâm sự với những người trí thức yêu nước đi theo cộng sản trước tình thế Việt Nam ngày nay hãy xem những loạt Hồi Ký được xuất bản gần đây của Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Vũ Ngọc Phan, bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, kể cả bộ sách của Trần Văn Giàu (mà tôi thường trích dẫn và chỉ trích), "Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ thứ 19 đến Cách Mạng Tháng Tám", Hà Nội 1973-1975.
- (7) Tôi có dịp đề cập đến trong một số tiểu luận được in trong Một quyển sách xuất bản tại Paris dưới nhan đề "Việt Nam du Confucianisme au Communisme", 1990. Mặc dù tác phẩm in lần đầu có nhiều khuyết điểm (do nhà in cũng như do tác giả), nó đánh dấu bước đầu trong công cuộc tìm hiểu (chỉ có thể là lâu dài) về giai cấp trí thức Việt Nam.
- (8) Phải chăng đó cũng là lý do cho ta hiểu vì sao những thành phần "ly khai" với nền văn hóa Khổng Mạnh - thanh niên thế hệ mới, phụ nữ, Ki Tô giáo hay Phật giáo - hiện đang làm tiền phong trong hàng ngũ trí thức đối lập với Nhà nước cộng sản hiện nay. □

Bác bỏ Hiến Pháp 1992, tiếp tục tranh đấu đòi hỏi một hiến pháp mới

Chủ nhật 25-5-1992 bắt đầu từ 14 giờ, mặc dầu trùng với hai sinh hoạt chính trị khác tại Paris - cuộc tuyệt thực 48 giờ đòi dân chủ hóa Việt Nam và bữa cơm giúp quỹ đón ông Võ Đại Tôn qua thăm cộng đồng người Việt tại Pháp - buổi họp thường lệ của thân hữu Thông Luận vẫn diễn ra tại hội trường Maison des Mines, với sự hiện diện của 51 người.

Mở đầu phần trao đổi tin tức, ông Nguyễn Gia Kiểng, phụ trách chính trị nguyệt san Thông Luận, đã thông báo và bình luận ba việc đáng kể về chính trị ở trong nước.

Trước hết là vụ nhà cầm quyền cộng sản đang chuẩn bị đưa giáo sư Đoàn Viết Hoạt cùng một số trí thức và văn nghệ sĩ ra xử trước tòa án của họ với ý định tuyên những hình phạt nặng. Ông Nguyễn Gia Kiểng cho biết giáo sư Đoàn Viết Hoạt là một người trí thức tranh đấu cho dân chủ tự do theo đường lối bất bạo động. Theo ông Kiểng thì giáo sư Đoàn Viết Hoạt không hề phạm một tội nào để đáng bị xét xử. dịp này ông Kiểng cũng nhắc tới bác sĩ Nguyễn Đan Quế người đã bị kết án 20 năm tù chỉ vì dám chống lại chuyên chính vô sản và đòi dân chủ tự do cho dân chúng. Ông Kiểng kêu gọi các thân hữu Thông Luận cùng các giới khác trong cộng đồng người Việt tham gia chiến dịch đòi tự do cho Đoàn Viết Hoạt và các chí hữu của ông.

Sau đó ông Kiểng cho biết là 8 trong các đoàn thể tranh đấu chính trị ở trong nước sau nhiều lần hội họp đã quyết định cùng nhau thành lập ở trong nước một "Phong trào Dân Chủ Đa Nguyên". Tám đoàn thể này, đặt dưới sự điều hợp của ông Lê Trí Viễn chấp thuận toàn bộ "Dự Án Chính Trị" do Phong trào Dân Chủ Đa Nguyên ở hải ngoại vừa mới công bố. Tài liệu này sẽ được lấy làm cơ sở cho tranh đấu dân chủ ở trong nước và để chính thức khai sinh ra ở trong nước một lực lượng đối lập công khai.

Việc thứ ba mà ông Kiểng đề cập là ý định rõ rệt và kiên quyết của 8 đoàn thể nói trên tích cực nhưng thận trọng hưởng ứng chiến dịch Xướng Dường Đòi Dân Chủ, quyết khắc phục những trở ngại mà nhà cầm quyền cộng sản đang cố gắng tạo nên hầu ngăn giữ không cho biểu tình có thể thực hiện. Giai đoạn này chỉ mới là giai đoạn hai bên dò xét nhau như hai đấu thủ còn quan sát nhau trước khi vào trận.

Sang phần thuyết trình của buổi họp, ba diễn giả chia nhau dẫn nhập về đề tài Dự Án Chính Trị cho Việt Nam ngày mai. Ông Trần Thanh Hiệp khởi đầu bằng bài thuyết trình đánh giá Hiến pháp 1992, vừa được ban hành ngày 15-4-1992. Ông nêu lên sáu lý do bác bỏ toàn bộ văn bản đó. Ông trích dẫn điều 16 bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 26-8-1789 của Cách mạng Pháp, theo đó: một xã hội trong đó các quyền năng không được bảo đảm, quyền lực không được phân chia rõ rệt, xã hội đó kể như không có hiến pháp". Đây chính là trường hợp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và bản Hiến pháp 1992. Năm lý do còn lại nhằm chứng minh rằng dù muốn cũng không thi hành được hiến pháp này vì nó đã dựa trên một quan niệm bệnh hoạn về luật hiến pháp, không thể áp dụng nghiêm chỉnh được vì

nội dung tự mâu thuẫn, trong tương lai nó sẽ đưa đất nước vào một cuộc phiêu lưu bởi lẽ chủ nghĩa xã hội đã suy sụp. Việc cộng sản đề vợi ra một bản hiến pháp đầu Ngô mình Sở rút lại chỉ là hành động cưỡng đoạt dân quyền, lường gạt đồng bào. Ông kết luận ý đồ thâm kín của cộng sản Việt Nam là, bằng Hiến pháp 1992, họ muốn biến nhà nước xã hội chủ nghĩa đang lung lay thành một nhà nước cực quyền toàn trị. Ông kết luận: "Hãy bác bỏ Hiến pháp 1992 và tranh đấu tiến tới một hiến pháp mới, dân chủ đa nguyên đa đảng". Đoạn ông nhường lời cho ông Nguyễn Gia Kiểng trình bày dự kiến về một hiến pháp mới.

Ông Kiểng, sau khi đã minh xác rằng ông chưa có ý định đưa ra một dự thảo hiến pháp, đã kiểm điểm một số nguyên tắc cơ bản để soạn thảo một bản hiến pháp. Ông nhấn mạnh cần phải cho thấy rõ bản chất của chế độ chính trị qua cách sắp xếp cùng hành sử quyền hành mà điều thiết yếu là phải có phân quyền rõ rệt. Ngoài ra cũng còn phải định rõ những tương quan giữa nhà nước và công dân bằng sự qui định bằng luật pháp quyền và nghĩa vụ của cả hai bên. Một điểm quan trọng khác, theo ông Kiểng, phải là sự tôn quyền tối đa cho xã hội dân sự để tránh nạn tập trung mọi quyền hành vào tay nhà nước, vì sự tập trung như vậy là đầu mối của chuyên chế. Điểm chốt ông Kiểng nêu lên là việc trừ liệu những nguyên tắc có tính hiến pháp để điều hành hoạt động kinh tế trong chế độ mới.

Ông Lê Văn Đăng tiếp lời ông Nguyễn Gia Kiểng đã quảng diễn điểm này và nói về cách mang lại sức khỏe cho chế độ mới và xây dựng một nền kinh tế theo "hệ thống kinh tế tự do". Theo diễn giả, quyền tư hữu phải là nền tảng của chế độ. Để bảo vệ quyền tư hữu lẽ đương nhiên những quyền tự do (ký kết hợp đồng, sử dụng tài sản, lập công ty, chọn nghề, v.v...) cũng phải được quy định rõ. Ông Đăng còn nói tiếp để cho nền kinh tế tự do không trở thành một thứ "tư bản rừng rú" định hướng công bằng xã hội là một điểm quan trọng cần được ghi vào hiến pháp.

Những định hướng quan trọng khác về kinh tế, theo ý kiến của ông Đăng mà chế độ mới có thể chọn là khuyến khích người Việt Nam làm giàu, lợi dụng thặng dư của nông nghiệp để hướng nền kinh tế qua công nghiệp, dịch vụ và hàng hải hầu giải quyết công ăn việc làm, giải tư những xí nghiệp quốc doanh và đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi sinh.

Nói tóm lại, ba bài thuyết trình dẫn nhập tuy ngắn nhưng đã bổ túc cho nhau để vạch ra những dự kiến xây dựng một chế độ chính trị tương lai, tuy hãy còn là lý thuyết, nhưng đã được khởi đi từ những kiến thức chuyên môn có sự cân nhắc lợi hại và đối chiếu với các tiền lệ phát triển kinh tế tại nhiều vùng trên thế giới.

Sau giờ nghỉ giải lao mọi người trở lại hội trường trao đổi nhận xét về ba bài dẫn nhập trên Các vấn đề làm cho nhiều người quan tâm là việc tôn quyền (sao cho đừng hỗn loạn), nguồn tài trợ (không thể tự túc tự cường để vừa phục hồi vừa phát triển kinh tế), kinh tế tự do hay vẫn phải có kinh tế chỉ huy (nạn cá lớn nuốt cá bé, dân trí thấp, thiếu phương tiện), âm mưu câu giờ của nhà cầm quyền cộng sản (chỉ cố mở kinh tế, khép chặt chính trị), v.v... Cuộc thảo luận sôi nổi nhưng nghiêm túc và sâu rộng, đã soi sáng cho các vấn đề trên.

Trước khi bế mạc, cụ Nguyễn Văn Thương, một nhà tranh đấu dân tộc lão thành trên 80 tuổi, đứng lên, rung rung nước mắt vì con cháu đang bị cộng sản dày dọ, kêu gọi mọi người hãy góp sức, góp tài hết lòng cứu nguy dân tộc. Buổi họp bế mạc vào hồi 18 giờ 30.

Nguyễn Văn Huy

Tình bạn, tình yêu, đất nước

Nguyễn Gia Kiểng

Nguyễn Anh Tuấn dành cho tôi vinh dự giới thiệu cuốn tiểu thuyết đầu tiên của anh. Đáng lẽ tôi phải từ chối vì tôi không phải là nhà văn mà cũng không phải là nhà phê bình văn học để có tư cách viết lời giới thiệu cho một tác phẩm. Nhưng tôi đã nhận lời vì đây là một ngoại lệ: Nguyễn Anh Tuấn không phải là một nhà văn chuyên nghiệp và tác phẩm của anh cũng không phải là một cuốn tiểu thuyết bình thường. BẠN TÔI trước hết là một bản điều trần, một bức họa và một thông điệp chính trị.

Vào giữa năm 1988, nguyệt san Thông Luận có đăng một bài tham luận về tình hình Liên Xô trong đó tác giả bày tỏ sự ngờ vực đối với chính sách đổi mới của Gorbachev và, một cách gián tiếp, đánh giá lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc của Thông Luận là ngây thơ. Ngay sau đó chúng tôi nhận được một bài đóng góp từ London của một người mà chúng tôi chưa được biết: Nguyễn Anh Tuấn. Tác giả cũng kèm theo một lời tự giới thiệu ngắn qua đó chúng tôi được biết ông là một trí thức đứng tuổi, trưởng thành tại miền Bắc, hiện bị nạn tại Anh. Cách viết bình tĩnh, tự tin của Nguyễn Anh Tuấn khiến chúng tôi tin chắc ông là người đã có cơ hội hiểu biết nội bộ chính quyền miền Bắc trước năm 1975 ở một trình độ cao. Niềm tin này về sau được kiểm chứng.

Nguyễn Anh Tuấn xuất phát từ một phương trời rất khác với chúng tôi nhưng ngay lập tức anh em trong ban biên tập Thông Luận đã coi anh như một người bạn thân. Lần sau, nhân dịp gửi bài tiếp, Nguyễn Anh Tuấn viết riêng cho tôi vài lời và cho số điện thoại. Tôi gọi lại. Ở đầu giây bên kia là một giọng rộn rã thân mật, tự nhiên như một người đã quen từ rất lâu.

BẠN TÔI là câu chuyện của một nhóm bạn bè tại Hà Nội. Nhóm gồm 7 người, quen nhau từ thời niên thiếu: người kể chuyện Lê Việt, Vũ Kiếm, Nguyễn Nam, Trần Trung Kiên, Hoàng Thị Ánh Nguyệt, Cao Thị Tố Nga, Nguyễn Thị Thùy Dương. Sau này từng cặp trong họ kết làm bạn đời. Lê Việt thành hôn với Thùy Dương, Nguyễn Nam với Tố Nga, Vũ Kiếm với Ánh Nguyệt. Còn lại Trần Trung Kiên, anh này lấy cô Mai và đem lại cho nhóm một nhân vật mới. Trong suốt thời gian hai mươi năm, nhóm đã chỉ phát triển thêm vài nhân vật mới: Ngọc Như, Như Băng, Anh Thơ và ông già Thanh. Một vài nhân vật khác đã chỉ lui tới với một vài người của nhóm trong một thời gian ngắn: Huỳnh Công Mẫn, Bùi Thế Xương. Sự co cụm

này tự nó đã tố cáo một thực trạng: chế độ độc tài cộng sản đã bóp nghẹt xã hội dân sự, sự giao lưu giữa người và người bị giảm tới mức thấp nhất. Nhóm tâm giao Hà Nội, như họ tự gọi, tuy vậy cũng đã nếm đủ mùi cay đắng: tất cả bị đưa đi cải tạo miền núi vì tụ tập bàn tán, chỉ có Lê Việt thoát khỏi vì là con ông cháu cha. Sau này họ còn là nạn nhân của biết bao nhiêu tru dập độc ác và bản thủ khác.

Trong hoàn cảnh xã hội khắc nghiệt đó, nhóm bạn qui này đã dựa nhau mà sống, giúp nhau giữ trọn vẹn hồn tính và nhân phẩm. Họ đã chống trả thành công với bạo lực và đối trá, vẫn yêu thơ, yêu nhạc, yêu sự trong sáng và sống trong sự hồn nhiên. Cái xã hội của "những thẳng nịnh hót", những ông "quan to cách mạng" đã không tha hóa được họ.

BẠN TÔI là một tài liệu. Nó mô tả những nét đậm nhất của xã hội cộng sản miền Bắc Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh "chống Mỹ cứu nước", nghĩa là vào giữa lúc chế độ Hà Nội được cả thế giới ủng hộ, được coi là lương tâm của nhân loại. Cái xã hội đó cũng bất công, cũng thối nát, cũng đê hèn không kém gì xã hội miền Nam bị cả thế giới coi là như bản lúc đó. Chỉ khác một điều những người lãnh đạo nó đã biết che đậy những xấu xa trong khi giới lãnh đạo miền Nam đã "thành thực" hơn, đã bất chấp dư luận, đã nhằm nhí và xằng bậy ra mặt.

BẠN TÔI đã dắt tay độc giả, cùng với nhóm tâm giao Hà Nội, đi du lịch tốc hành qua một lộ trình lịch sử. Từ cách mạng tháng tám, qua kháng chiến chống Pháp, nội chiến Nam Bắc, chiến thắng của cộng sản, rồi những đợt bài bác xua đuổi người gốc Hoa, rồi đợt di tản vĩ đại ra nước ngoài.

Lịch sử của nước ta trong giai đoạn cận đại thật là phức tạp. Một trong những thảm kịch của dân tộc ta là chúng ta không sống một lịch sử giống nhau. Các biến cố, các đoạn đường ta đã đi qua khác nhau tùy theo ta ở miền Nam hay miền Bắc và tùy theo ta là "quốc gia" hay "cộng sản".

Lịch sử chung thật ra vẫn có nhưng mỗi người chúng ta đã chỉ sống được một phần khác nhau của nó và nếu không ý thức được điều đó chúng ta có thể không còn chia sẻ cùng một lịch sử. Nhóm tâm giao Hà Nội cố gắng hiển đoạn đường lịch sử của họ để bổ túc với những đoạn đường lịch sử khác trong lịch sử chung của cộng đồng dân tộc.

May mắn cho họ và chua chát cho dân tộc, cuối cùng 6 trong số 7 người của nhóm tâm giao Hà Nội đã ra được nước ngoài, thoát được nanh vuốt của tổ quốc. Họ gặp lại nhau, đã uống champagne vui mừng hớn hớn. Nhưng nước

mắt đã trộn với rượu mừng. Thì ra dù có lập lại cuộc sống, dù có thành công ở nước ngoài, nhưng bị xua đuổi khỏi đất nước mà mình sinh ra và lớn lên vẫn là một thảm kịch.

Tại sao tổ quốc Việt Nam lại khiến bầy con phải bỏ xứ mà đi?

Câu chuyện của nhóm bạn của Lê Việt cũng giống như của nhiều nhóm bạn hữu khác. Họ gặp lại nhau ở nước ngoài trong khi cách đó không lâu họ chưa hề tưởng tượng là sẽ phải sống ly hương. Cộng đồng người Việt hải ngoại đã được hình thành như thế. Xét cho cùng đây là một bước mở nước vô cùng quan trọng.

Lịch sử của nước ta có cái gì thật u uất. Quá trình mở nước và dựng nước của ta đều bắt đầu từ những sự không may. Những người Lạc Việt đầu tiên đã từ Trung Hoa xuống miền Nam để tránh sự tàn bạo, rồi hội nhập với người tại chỗ để lập ra nước Việt. Đến thế kỷ 17, Nguyễn Hoàng, vì sợ bị bách hại, đem dân vào Hoành Sơn, hội nhập với người Chiêm Thành mà mở ra miền Trung. Cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn đã khiến một số đông đảo phải trốn về phía Nam để tránh cho con cái họ khỏi bị bắt lính, và miền Nam dần dần thành hình. Lúc nào cũng thế, người Việt Nam chạy trốn một bạo quyền rồi vô tình đi thêm một bước đường mở nước.

Sau năm 1975, chúng ta có một bạo quyền khác và vì đã tựa lưng vào biển cả, đoàn chim Việt đã vượt trùng dương, tỏa sự hiện diện của Việt Nam ra khắp thế giới.

Tất cả những biến cố này cuối cùng đều tốt. Chúng nói lên sức sống và khả năng phi thường của một dân tộc luôn luôn biết chuyển họa thành phúc.

Nhưng đến bao giờ chúng ta mới có thể chủ động thay vì phản ứng, đến bao giờ chúng ta mới có thể có những biến chuyển tốt do chủ ý, do dự tính lạc quan mà có?

Sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại là một biến cố trọng đại. Những cộng đồng hải ngoại luôn là con mắt của mỗi dân tộc, bởi vì nhờ nó mà dân tộc thấy được thế giới bên ngoài, thoát ra khỏi được óc thủ cựu, vượt lên trên những thành kiến. Việt Nam chỉ mới có cộng đồng hải ngoại từ sau 1975. Đó là một thay đổi lớn. Nhờ cộng đồng người Việt hải ngoại, Việt Nam sẽ không bao giờ như trước nữa.

Những người ra đi đã may mắn về vật chất và có lẽ cả về tinh thần nữa, nhưng còn tình cảm thì sao? Con đường mình đã đi qua, mái nhà mình đã lớn lên, ngôi trường mình đã thân quen, những khuôn mặt mình đã nhìn thấy, cha mẹ, anh em, bạn bè, kỷ niệm... tất cả là tài sản cuối một đời người. Những kẻ ra đi đã mất rất nhiều. Và chính những cái mất mát đó là sợi dây đầu tiên nối liền họ với tổ quốc. Những bà mẹ bên kia khắc khoải chờ con. Những người vợ bên đây mòn mỏi ngóng chồng. Những người yêu nhau mà không được sống bên nhau. Bên này thương nhớ bên kia. Hàng triệu con tìm cách nhau nửa vòng trái đất cùng đập theo một nhịp. Biết bao nhiêu là dang dở, ân hận, hy

vọng, chờ đợi. Biết bao nhiêu là nghĩa, là tình!

Thùy Dương ở lại, chấp nhận sống và làm việc dưới chế độ cộng sản với những khát vọng tự do dân chủ rực cháy trong lòng. Thùy Dương muốn thay đổi chế độ từ bên trong. Nhưng Thùy Dương không chê, không trách Lê Việt. Thùy Dương kính trọng chọn lựa của chồng và vẫn yêu chồng. Những con người sinh ra và lớn lên trong trại lính xã hội chủ nghĩa vẫn có thể vô cùng cao quý và lãng mạn.

BẠN TÔI là một cuốn tiểu thuyết với những nhân vật đã sống những vui buồn và những hoàn cảnh éo le của họ. Nhưng nó lại là một tài liệu bởi vì có những sự kiện có thật và nhân vật có thật. Đó là chủ ý của tác giả. Những sự kiện và nhân vật hư cấu đã chỉ được tạo ra để phản ánh sự thật một cách đầy đủ hơn và cô đọng hơn.

BẠN TÔI là một cuốn tiểu thuyết, một tài liệu lịch sử có trọng lượng, một thông điệp chính trị. Nó cũng là một tưởng đài tôn vinh tình bạn, tình yêu và tâm hồn thanh tao của con người Hà Nội ngàn năm vạn vật.

Nguyễn Gia Kiểng

Bạn Tôi, tiểu thuyết của Nguyễn Anh Tuấn, 327 trang, nhà xuất bản Đa Nguyễn, Houston, Texas, 12-1991.

Nguyễn Anh Tuấn, trưởng thành và làm việc tại Hà Nội và Hải Phòng, giáo sư văn chương và sinh ngữ. Vượt biên năm 1979, tị nạn tại Anh, hiện là một giáo sư ngữ học và tham vấn ngoại giao. Thành viên ban biên tập nguyệt san Thông Luận.

Giáo sư Nguyễn Anh Tuấn có nhã ý tặng Thông Luận 100 cuốn Bạn Tôi để đóng góp gây quỹ cho tờ báo. Giá báo kể cả tiền gửi là 100FF. Muốn mua xin liên lạc với tòa soạn. Chi phiếu xin đề Viet Nam Fraternité.

Hưởng ứng chiến dịch Xuống Đường Đòi Dân Chủ

- Đối với người trong nước,
tham gia vào chiến dịch gián điệp như
truyền tai nhau một lời kêu gọi ngắn.
- Đối với người ngoài nước,
đóng góp cho chiến dịch để dàng như
gửi một lá thư.

Những việc này tuy bình thường, nhưng nếu
nhiều người cùng làm, dân chủ sẽ trong tầm tay.

Tám tổ chức quốc nội họp hội nghị Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên

Trước đợt đàn áp thô bạo của chính quyền cộng sản nhằm vào các lực lượng dân chủ tiến bộ, song song với việc ban hành bản hiến pháp phản dân chủ, tám tổ chức đối lập quốc nội đã quyết định họp một hội nghị chung để đánh giá tình hình và xác định lập trường cùng chiến lược đấu tranh cho giai đoạn khẩn trương sắp tới.

Nguyên tắc triệu tập hội nghị đã được thông qua vào đầu tháng 4-1992. Hội Nghị đã diễn ra như dự định trong hai ngày 16 và 17-5-1992 tại Sài Gòn.

Các tổ chức tham dự là **Nhóm Trí Thức Nam Hà, Nhóm Phục Việt, Khối Khát Vọng Tự Do, Phong Trào Việt Nam Mới, Câu Lạc Bộ Cựu Thành Viên Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, Phong Trào Thanh Niên Sinh Viên Học Sinh Tự Do, Hội Những Đảng Viên Cộng Sản Cấp Tiến và Câu Lạc Bộ Dân Chủ Việt Nam.** Một chỉ hữu của Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên từ hải ngoại về tham dự với tư cách quan sát viên.

Hội nghị nhận định rằng cuộc đấu tranh cho dân chủ đã bước vào một giai đoạn cực kỳ gay go nhưng cũng rất thuận lợi sau khi ban lãnh đạo đảng cộng sản ban hành hiến pháp phản động chuẩn bị bầu cử quốc hội tiền chế nhằm tiếp tục vô hạn định chế độ độc tài đảng trị. Nhưng hội nghị hoàn toàn tin tưởng rằng thái độ ngoan cố và hung hăng của ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam không nói lên một quyết tâm nào mà chỉ bộc lộ sự hốt hoảng trước làn sóng dân chủ. Theo đánh giá của hội nghị thì ban lãnh đạo đảng cộng sản tuy bề ngoài hù dọa nhưng sẽ nhượng bộ nếu gặp phải áp lực lớn từ các lực lượng dân chủ bởi vì chế độ đã bị chao đảo và phân hóa một cách vô cùng trầm trọng.

Hội nghị cũng ghi nhận sự kiện có tầm quan trọng quyết định là hiện nay tất cả mọi lực lượng dân chủ đều đã nhất trí chọn đường lối đấu tranh chính trị bất bạo động. Đồng thuận này sẽ làm cho các kết hợp trở thành dễ dàng. Việc hoàn tất và phổ biến Dự An Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên cũng là một biến cố rất quan trọng vì dự án đã đưa ra một đường lối rõ rệt, đầy đủ và đầy sức thuyết phục để vận động sự hưởng ứng của quần chúng Việt Nam.

Hội nghị đánh giá tâm lý quần chúng Việt Nam đã chín muồi cho tiến trình dân chủ, cuộc vận động xuống đường đòi dân chủ có tất cả mọi triển vọng để thành công. Tuy vậy các lực lượng dân chủ cần chứng tỏ sự kiên trì trước thách đố của đảng cộng sản để giữ vững và tăng cường lòng tin của quần chúng. Hội nghị đặt nhiều tin tưởng vào khả năng đóng góp của cộng đồng Việt Nam hải ngoại và các tổ chức đấu tranh hải ngoại.

Hội nghị nhận định rằng, với tiến trình dân chủ đang càng ngày càng tăng sức mạnh tại mọi quốc gia trong vùng, hy vọng cuối cùng của ban lãnh đạo đảng cộng sản tìm được những đồng lõa

độc tài trong khối ASEAN sẽ tiêu tan và các áp lực dân chủ hóa sẽ càng ngày càng mạnh.

Hội nghị đã thảo luận và quyết định bốn điểm sau:

1- Bày tỏ sự kính phục với giáo sư Đoàn Viết Hoạt và lòng ưu ái với gia đình ông trong dịp ông sắp bị đem ra xử. Hội nghị cũng khẳng định lòng quý mến và sự liên đới tinh thần với mọi người đấu tranh cho dân chủ đang bị giam giữ, đặc biệt là các anh em Duy Dân, Tổ chức Liên Việt, Cao Trào Nhân Bản và bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Hội nghị kêu gọi các tổ chức đấu tranh hải ngoại tích cực động viên dư luận thế giới và các chính phủ bên vực những người đang mắc nạn vì đấu tranh cho tự do dân chủ ở trong nước. Hội nghị khẳng định rằng những hành động khủng bố hung bạo hiện nay sẽ không thể làm lung lạc ý chí đấu tranh và cũng không thể làm suy giảm lòng tin vào những chọn lựa cơ bản của phong trào: phương thức đấu tranh bất bạo động, tinh thần bao dung, đối thoại, xóa bỏ hận thù.

2- Nhất trí thông qua toàn bộ Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên, đồng thời phối hợp hành động trong khuôn khổ Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên và bầu chỉ hữu Lê Trí Viễn (Câu Lạc Bộ Dân Chủ) làm điều hợp viên mọi hoạt động của Phong Trào tại quốc nội. Việc phổ biến Dự An Chính Trị sẽ là một trong những trọng điểm công tác của giai đoạn sắp tới.

3- Hội nghị nhận định rằng chiến dịch Xuống Đường Đòi Dân Chủ là cần thiết và quyết định kiên trì động viên đồng bào tham gia chiến dịch. Dù mục tiêu ban đầu là tổ chức thành công các cuộc biểu tình có tầm vóc vào mùa hè 92 có thể khó đạt được, nhưng hội nghị xác quyết các cuộc biểu tình sẽ phải đạt được trong một tương lai không xa. Hội nghị tin tưởng vững chắc là chỉ có áp lực quần chúng qua biểu tình bất bạo động mới có thể đánh bại được tập đoàn thủ cựu cầm quyền.

4- Hội nghị tỏ bày mối đồng tâm quyết thắng tới các lực lượng dân chủ tiến bộ hải ngoại, đặc biệt là các thành viên của Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên.

Đây là một biến cố rất quan trọng. Lần đầu tiên, những lực lượng tranh đấu trong lòng chế độ đã tổ chức thành công một hội nghị ngay tại quốc nội vào đúng lúc chiến dịch truy lùng các phần tử dân chủ đang lên tới cao điểm. Hội nghị tám tổ chức là kết quả có tầm chiến lược của những cố gắng phối hợp đấu tranh dân chủ trong và ngoài nước. Nó đánh dấu một giai đoạn đấu tranh mới và đầy triển vọng thành công.

Lý Phụng Hải

TIN TỨC...THỜI SỰ... TIN TỨC

Đoàn Viết Hoạt sắp bị đem xét xử

Tin từ trong nước cho hay tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt và toàn bộ nhóm Diễn Đàn Tự Do của ông sắp bị đem xét xử.

Tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt tốt nghiệp Ph.D. về giáo dục tại Hoa Kỳ và làm phụ tá Viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh cho tới ngày 30-4-1975. Ông Hoạt bị bắt vào tháng 9-1976 và bị giam giữ tới năm 1988. Ông bị kết tội "làm gián điệp văn hóa cho đế quốc", nhưng cuối cùng đã không bị xét xử tại tòa vì tội danh mơ hồ và không có bằng chứng phạm pháp nào.

Ra tù, Đoàn Viết Hoạt kết hợp một số bạn bè và cho lưu hành tập "Diễn Đàn Tự Do", cổ võ cho lập trường dân chủ hóa Việt Nam bằng đường lối bất bạo động. Đoàn Viết Hoạt và các bạn ông bị bắt vào tháng 11-1990. Hiện nay hồ sơ của họ đã kết thúc và phiên tòa xử họ có thể diễn ra bất cứ lúc nào.

Nhóm Diễn Đàn Tự Do ngoài tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt còn có các ông Phạm Đức Khâm, Bùi Thế Dung, Lê Thế Hiển, Nguyễn Văn Thuận, Hoàng Cao Nhã, Nguyễn Xuân Đồng, Lê Đức Vượng, Phạm Thái Thủy, Nguyễn Thiện Hùng, Nguyễn Mậu. Tất cả đều là trí thức, chuyên gia, văn nghệ sĩ. Cụ Nguyễn Mậu là một đảng viên kỳ cựu của Việt Nam Quốc Dân Đảng miền Trung bị kết tội là đã lợi dụng cơ hội đi Canada thăm gia đình để tìm đồng minh cho nhóm Diễn Đàn Tự Do. Nguồn tin trong nước cũng cho hay cụ Phạm Đức Khâm đã chết trong tù.

Vụ án nhóm Diễn Đàn Tự Do sẽ là vụ án thuần túy chính trị lớn nhất từ trước đến nay. Trước đây đã từng có nhiều vụ án lớn, nhưng điểm khác biệt căn bản là các vụ này hoặc bị kết tội là dùng võ trang hoặc chính họ chủ trương kháng chiến võ trang

Trước hết là vụ xét xử những người lãnh đạo Mặt Trận Thống Nhất Các Lực Lượng Yêu Nước Giải Phóng Việt Nam vào tháng 12-1984, trong đó năm nhân vật là các ông Trần Văn Bá, Lê Quốc Quân, Hồ Thái Bạch, Mai Văn Hạnh và Huỳnh Vĩnh Sanh đã bị kết án tử hình. Các ông Trần Văn Bá, Lê Quốc Quân và Hồ Thái Bạch đã bị hành quyết. Hai ông Mai Văn Hạnh và Huỳnh Vĩnh Sanh nhờ có quốc tịch Pháp đã được ân xá. Ông Mai Văn Hạnh hiện đã được trả tự do và đang sinh sống tại Pháp. Vụ thứ hai là vụ xét xử những thành viên của Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, trong đó nhiều người đã bị những bản án tử rất nặng.

Tiếp theo là hai nhà tu Trí Siêu và Tuệ Sỹ bị kết án tử hình (10-1988) và giảm xuống 20 năm cấm cố nhờ áp lực can thiệp của thế giới, đặc biệt của các chính phủ Thụy Điển và Úc Đại Lợi. Hai chính phủ này đã từng ủng hộ và viện trợ kinh tế cho Việt Nam sau 1975, cả hai dọa sẽ đoạn giao nếu Hà Nội vẫn duy trì bản án tử hình. Trí Siêu và Tuệ Sỹ đã bị tòa kết tội dùng vũ lực chống đối chế độ sau khi công an đã đàn áp tịch thu một số súng lục, lựu đạn tại các cơ sở Sông Bé, Đồng Nai.

Mặt khác, chính quyền cộng sản cũng đang chuẩn bị để đem xét xử các thành viên của Liên Minh Hùng Gia Đại Việt, gọi tắt là Liên Việt, gồm các ông Trịnh Văn Thường, Nguyễn Thanh Vân, Hà Minh Hùng, Nguyễn Văn Vọng, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Đức Lợi, Lâm Ngọc Chiêu, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Nhự, Nguyễn Quốc Bảo, Nguyễn Thịnh Nhượng, Nguyễn Ngọc Lương, Hồ Thanh Hải, các vị này bị bắt ngày 16-6-1991 vào lúc họ đang tổ chức biểu tình tại trước cửa Sở Thú Sài Gòn. Đặc điểm của tổ chức Liên Việt là họ gồm toàn những thành phần công nhân, nông dân, lao động và do đó phản ánh sự đấu tranh cho dân

chủ của quần chúng Việt Nam. Ông Nguyễn Thanh Vân, một trong những người được coi là lãnh đạo của tổ chức này, là một người sinh sống tại Mỹ, đã về nước nhiều lần để vận động đấu tranh và bị bắt trong chuyến về nước lần chót.

Tiếp tục đàn áp đối lập và trí thức

Theo tin các báo Pháp Luật và Hà Nội Mới, chính quyền cộng sản đã đưa ra xét xử tại xã Biên Giang, thuộc tỉnh Hà Tây (phía nam Hà Nội) 6 đảng viên Đại Việt Duy Dân Cách Mạng Đảng và tuyên nhiều án tử 3 đến 14 năm tù. Ông Đỗ Văn Thạc, cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa, người đứng đầu nhóm, bị tuyên án 14 năm tù. Ông Thạc bị kết tội đã thành lập một nhóm chống cộng đối lập lấy tên Tổ Hạch Tâm. Năm người còn lại đều là đảng viên đảng Duy Dân là Đỗ Văn Hùng (12 năm tù), Phạm Quang Tín (11 năm tù), Nguyễn Kim Năng (10 năm tù), Phạm Văn Trung (4 năm tù) và Hoàng Kim Thuận (3 năm tù).

Nguồn tin trên còn cho biết Phạm Quang Tín là con của Phạm Đình Tiến, một cựu lãnh tụ Duy Dân và đảng này đã bị phá vỡ từ năm 1957. Sự kiện này chứng tỏ là từ năm 1957 đảng Duy Dân vẫn âm thầm hoạt động tại miền Bắc mặc dù sau vụ nổi dậy thất bại năm 1946 tại Hòa Bình, bộ đội cộng sản đã bắt và giết rất nhiều cán bộ chính trị, quân sự của đảng Duy Dân. Lãnh tụ đảng này là Lý Đông A cũng có mặt trong đạo quân Duy Dân kéo vào Hòa Bình nhưng không ở toán tiền quân. Có tin là Lý Đông A đã bị cộng sản bắt và giết. Nguồn tin khác ngược lại nói rằng Lý Đông A đã thoát hiểm và mai danh ẩn tích từ đó.

Tại miền Nam sau 1954, đảng Duy Dân tiếp tục hoạt động bán công khai, theo lập trường dân tộc, chủ trương dân chủ, nhân chủ theo di huấn của cụ Phan Bội Châu (không duy tâm, không duy vật, chỉ duy dân). Một trong những lãnh tụ còn sót lại của đảng Duy Dân là cựu nghị sĩ Phạm Văn Tâm tức Thái Lăng Nghiêm, tranh đấu mạnh mẽ cho lập trường và chủ trương này nên đã bị cả chính quyền Ngô Đình Diệm (1955) và cộng sản bắt từ 1978 đến 1988.

Sau 1975, một lãnh tụ khác của Duy Dân là ông Trần Thanh Đình đã bị cộng sản xử tử trong nhà giam Thủ Đức về tội "phục quốc" bằng đường lối võ trang. Những tin tức mới nhất cho biết là nhà cầm quyền cộng sản vẫn tiếp tục dùng công cụ đàn áp của họ là các tòa án nhân dân để khủng bố đảng viên Duy Dân, từ Bắc vào Nam.

Tại Sài Gòn ngày 14-5-1992, chính quyền cộng sản vừa tuyên án 12 năm tù luật sư Đoàn Thanh Liêm và nhà văn Nguyễn Tri 8 năm. Đoàn Thanh Liêm bị ghép tội "liên hệ mật thiết với những viên chức cao cấp Việt Nam Cộng Hòa và những viên chức Mỹ để chống phá chế độ". Ông Liêm còn bị buộc tội "soạn và in một tuyên ngôn cùng với những tài liệu chiến tranh tâm lý có nội dung chống lại chủ nghĩa xã hội" như đòi Đảng phải từ bỏ độc quyền lãnh đạo, chấp nhận đa nguyên chính trị, giải tán Quốc hội... Theo tin của báo Sài Gòn Giải Phóng, vụ án luật sư Đoàn Thanh Liêm có liên quan đến nhà kinh doanh Mỹ Michael Morrow, sau khi bị giam 3 tuần lễ và đã bị trục xuất khỏi Việt Nam cách đây hai năm.

Ngày 28-5-1992, chính quyền cộng sản cũng vừa kết án ông Nguyễn Ngọc Đại 20 năm tù và 4 người khác từ 4 đến 12 năm tù. Ông Đại đã viết một bài "Luận về Nhân Bản" và một "Thông điệp

của Ủy ban Liên phái về việc bảo vệ Phật giáo Việt Nam" và bị kết tội "xúi giục quần chúng chống lại chế độ". Trước đó ông Đại đã bị giam 11 năm trong trại cải tạo.

437 nghị gặt đóng trò hề hiến pháp

Ngày 14-5-1992, quốc hội của chế độ cộng sản biểu quyết thông qua hiến pháp mới. Toàn thể 437 "đại biểu quốc hội" đã bỏ phiếu thuận.

Đây có lẽ là bản hiến pháp cuối cùng trên thế giới được ban hành để xác nhận một chế độ độc tài đảng trị. Trên thế giới còn một vài bản hiến pháp loại này nhưng đó là những bản hiến pháp còn sót lại của một thời đã qua. Việc biểu quyết bản hiến pháp này chắc chắn sẽ cho Việt Nam cái vinh dự đáng buồn được làm nước cuối cùng ban hành hiến pháp chuyên chế.

Nội dung bản văn nhắc lại bản hiến pháp năm 1980 mặc dầu chỉ có khoảng 10 điều được giữ nguyên. Điều mới duy nhất là quyền tư hữu và quyền tự do kinh doanh được ghi nhận. Quyết định sửa đổi hiến pháp đã có từ ngày 30-6-1989, lúc đó ban lãnh đảng cộng sản thực sự muốn đổi mới chế độ. Nhưng sau đó khuynh hướng bảo thủ co cụm đã thắng. Cuối cùng bản hiến pháp "mới" đã chỉ mới về cách hành văn.

Vai trò của đảng cộng sản vẫn được giữ nguyên (điều 4). Vai trò của đảng cộng sản còn được tăng cường thêm qua trung gian Mặt Trận Tổ Quốc. Mặt Trận Tổ Quốc chỉ là một bộ phận ngoại vi của đảng do Ủy Ban Dân Vận của trung ương đảng lãnh đạo.

Bản hiến pháp này mang nặng tính khủng bố. Điều 13 qui định những ai chống "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" sẽ bị nghiêm trị. Các tòa án nhân dân cũng được tái xác nhận qua các điều 126 đến 136. Đi xa hơn hiến pháp 1980, hiến pháp mới qui định quyền mở và tịch thu thư tín cá nhân.

Bản hiến pháp thoái vị hoàn toàn trên các quyền công dân. Tất cả mọi điều khoản trên quyền công dân đều mang một câu thông "theo qui định của luật pháp", trong khi luật pháp có thể qui định ngược hẳn lại. Một thí dụ điển hình là điều 154 qui định mọi công dân đều có quyền ứng cử vào quốc hội "theo qui định của luật pháp". Nhưng luật bầu cử quốc hội, được biểu quyết ngay sau đó, lại qui định rằng chỉ những ai được Mặt Trận Tổ Quốc giới thiệu mới được ứng cử.

Đây cũng là bản hiến pháp của một thuộc địa chứ không phải của một quốc gia vì nó dành cho người ngoại quốc nhiều quyền hơn người Việt Nam ngay trên đất nước Việt Nam (điều 25).

Bản hiến pháp này còn rất phản động. Không giáo trước đây qui định xã hội có bốn giai cấp sĩ nông công thương, trong khi bản hiến pháp vừa ban hành lại xóa hẳn giai cấp "thương" và chỉ nhìn nhận chỉ có ba giai cấp: công nhân, nông dân và trí thức (điều 2). Đảng cộng sản đang hô hào kinh tế thị trường. Nhưng làm sao có kinh tế thị trường - và làm sao có thể phát triển kinh tế được - nếu những doanh nhân không được nhìn nhận có một chỗ đứng trong xã hội.

Có hai điểm ngộ nghĩnh trong cách hành văn của hiến pháp. Điều 4 nói rằng "Đảng cộng sản Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là lực lượng lãnh đạo xã hội...". Tại sao lại có mệnh đề "theo chủ nghĩa và..."? Còn theo nhân dân Việt Nam thì sao? Ai đó viết ra câu này có hậu ý gì chăng?

Không hài hơn nữa là cách điều chỉnh điều 13. Trước đây điều

này viết: "Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là thiêng liêng..." và "mọi hành động chống lại tổ quốc đều bị nghiêm trị". Bây giờ cụm từ "xã hội chủ nghĩa" được đổi chỗ. Và điều 13 trở thành "Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng" và "mọi hành động chống lại tổ quốc xã hội chủ nghĩa đều bị nghiêm trị". Nói cách khác chủ nghĩa xã hội không thiêng liêng nhưng động đến là có chuyện.

Bản hiến pháp được thông qua hồi 11 giờ 45 ngày 15-4-1992. Sau đó quốc hội nghỉ họp, buổi chiều quốc hội thông qua không thảo luận hai đạo luật về tổ chức quốc hội và bầu cử quốc hội. Cả hai đạo luật đều được 437 phiếu trên 437. Luật bầu cử quốc hội đã phủ nhận hoàn toàn điều 154 của hiến pháp. Thế là bản hiến pháp vừa mới biểu quyết xong đã bị vô nát.

Theo báo chí của đảng cộng sản thì quốc hội đã thảo luận rất sôi nổi từng điều một trong hai tuần lễ. Nhưng cũng theo báo chí của đảng thì toàn bộ "Dự thảo 4" đã được thông qua. Để có một ý niệm về các cuộc thảo luận này, người ta có thể nghĩ đến việc quốc hội đã bàn "sôi nổi" về câu "trải qua bốn ngàn năm lịch sử". Có người muốn đổi thành "mấy ngàn năm lịch sử", có người lại muốn đổi thành "hàng ngàn năm lịch sử". Sau cùng là "mấy ngàn năm" theo phán quyết của ban nghiên cứu lịch sử đảng. Đó, theo những tài liệu nhận được, là những đóng góp duy nhất của 437 nghị gặt.

Tuyệt thực tại Huế nhân tang lễ Hòa thượng Thích Đôn Hậu

Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, chánh thư ký, xử lý Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã viên tịch ngày 23-04-1992 tại chùa Linh Mục, Huế, hưởng thọ 87 tuổi.

Theo tin tức từ báo Khánh Anh, chương trình tang lễ được Hòa thượng Thích Nhật Liên thông báo gồm lễ Nhập Kim Quan ngày 25-04 và lễ Nhập Bảo Tháp ngày chủ nhật 03-05-1992. Tăng ni và phật tử từ khắp nơi, nhất là vùng Huế và các tỉnh miền Trung đã về rất đông để tham dự tang lễ. Đặc biệt có sự hiện diện của Hòa thượng Thích Huyền Quang, phó viện trưởng Viện Hóa Đạo, đang bị quản thúc tại Quảng Ngãi, đã phải tuyệt thực tại nơi bị quản thúc mới được chính quyền cho phép về chùa Linh Mục.

Nhưng chính quyền đã không muốn để Giáo Hội Phật Giáo tổ chức tang lễ. Vài ngày trước lễ Nhập Bảo Tháp, họ đề nghị dời qua ngày 06-05-1992 thay vì 03-05, và đề cử ông Nguyễn Hữu Thọ, phó chủ tịch Quốc Hội, làm trưởng ban tang lễ. Thái độ này của chính quyền đã gây căm phẫn trong giới tăng ni và phật tử trong cũng như ngoài nước. Tại chùa Linh Mục, hai Hòa thượng Huyền Quang và Nhật Liên đã cùng các tăng ni tuyệt thực ngay cạnh linh cữu của cố Đại lão Hòa thượng. Đại đức Thích Trí Tự đã phát nguyện tự thiêu nếu chính quyền tiếp tục những đòi hỏi có tính cách can thiệp vào nội bộ của Giáo Hội Phật Giáo.

Trước khi thế quyết liệt và trước viễn ảnh một cuộc tranh đấu bùng nổ như năm 1963, chính quyền đành phải nhượng bộ. Đêm thứ bảy 02-05, họ đã cử đại diện đến chùa Linh Mục thương thảo, và cuối cùng lễ Nhập Bảo Tháp đã được cử hành theo như dự định, với sự hiện diện của một phái đoàn đại diện chính quyền do ông Nguyễn Hữu Thọ cầm đầu, chỉ đến dự với tính cách quan khách. Một điều rất quan trọng trong buổi lễ là nghi thức trao lại ấn tín Viện Tăng Thống cho Hòa thượng Huyền Quang (trên nguyên tắc vẫn chịu sự quản thúc của chính quyền từ mười năm qua), với

TUO TUC... THOI SU... TUO TUC

ý nghĩa tiếp nối dòng sinh mệnh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Một sự kiện đáng chú ý khác là Hòa thượng Quảng Độ đang bị quản thúc tại tỉnh Thái Bình ở miền Bắc, đã bỏ vào Sài Gòn, được các tăng ni và Phật tử tiếp đón nồng nhiệt, và trở về Thanh Minh Thiền Viện tại Phú Nhuận là nơi Hoà thượng Quảng Độ trú ngụ trước khi bị bắt. Đến ngày 19-04-1992, có lệnh chính quyền địa phương trực xuất Hòa thượng ra lại Thái Bình. Hòa thượng đã xin ở lại Sài Gòn để chữa trị bệnh huyết áp cao.

Những sự việc này chứng tỏ chính quyền Hà Nội đang ở thế lúng túng của một chế độ cuối trào: can thiệp thô bạo vào việc nội bộ của một giáo hội, cuối cùng lại phải nhượng bộ và phò ra cái thế yếu của mình. Nó cũng nói lên sức mạnh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam nói riêng và các đoàn thể tôn giáo nói chung khi hữu sự.

Người Mỹ da đen phản đối công lý da trắng

Ngày 29-4-1992, tòa án Simi Valley tha bổng 4 cảnh sát viên da trắng, trung sĩ Stacey Koon, Laurence Powell, Timothy Wind và Theodore Brisino, đã hành hung một cách thô bạo Rodney King, một thanh niên da đen 27 tuổi, vì tội chạy xe quá tốc độ. Mười hai người trong bồi thẩm đoàn, trong đó không có người nào là da đen, tuyên bố bốn cảnh sát viên vô tội. Chỉ có cảnh sát viên Laurence Powell đã bị xử lại vào ngày 15-5-1992 vì tội đã dùng "vũ lực quá mức".

Trước bản án vi phạm nhân quyền này, cộng đồng da đen của khu Watt, Los Angeles đã nổi dậy. Hàng ngàn người, đa số là người da đen, đã biểu tình tuần hành, đốt phá, cướp giật các cửa hàng, xe cộ. Tổng thống Mỹ G. Bush đã phải gọi quân đội liên bang đến tăng cường và tuyên bố tình trạng khẩn trương tại Los Angeles. Hơn 50 chết, 2.300 bị thương và thiệt hại vật chất lên đến 717 triệu USD. Các thành phố lớn khác như San Francisco, Oakland, Seattle và Atlanta cũng bị dân chúng nổi dậy đập phá.

Đây không phải là lần đầu tiên có những cuộc nổi loạn của dân da đen nói riêng và các sắc dân thiểu số nói chung. Năm 1965, cuộc nổi dậy, cũng tại khu Watt, làm thiệt hại 182,5 triệu USD. Năm 1967, cuộc nổi loạn tại Detroit gây tổn thất đến 162 triệu USD và năm 1980 Miami bị thiệt hại 104 triệu USD.

Đây là một vết nhơ trong xã hội Mỹ và là một vấn đề xem như không có thuốc chữa.

Watt là khu ghetto của Los Angeles, qui tụ những người da đen, đến từ các tiểu bang kỳ thị màu da tại miền Nam nước Mỹ, chạy qua California tìm đất hứa vào những năm 1900 và 1929.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 đã làm cho cộng đồng da đen bị suy sụp. Tòa án tối cao của liên bang California cho phép áp dụng kỳ thị màu da tại một khu của Los Angeles, Wet Slawson. Các quan tòa cho phép các hồ tắm và nơi tắm công cộng chia ra những giờ tắm của người da đen và giờ tắm của người da trắng. Các công ty lớn như Lockheed, các công ty chế tạo súng ống đạn dược không chịu đầu tư người da đen nữa.

Cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu từ năm 1990 tại Hoa Kỳ đã trầm trọng hóa tình trạng xã hội và sự kỳ thị giữa da đen và da trắng. California bị mất gần 500.000 việc làm từ 18 tháng qua và tỷ lệ thất nghiệp của cộng đồng da đen tại khu South Central của Los Angeles có thể đến 20%. Các tệ nạn xã hội: ăn cướp, hiếp

dâm, buôn bán ma túy càng ngày càng nảy nở.

Nguy kịch hơn nữa là sự kỳ thị chủng tộc không chỉ giữa dân da đen và da trắng, mà còn lan đến các cộng đồng gốc latino-hispanic (di dân Mexico, Honduras, Guatemala) và gốc Á Châu (Đại Hàn, Việt Nam, Trung Hoa...).

Trung Quốc đã nhân dịp này khuyến bảo Mỹ hãy quét dọn nhà trước khi đi khuyến bảo các xứ khác tôn trọng nhân quyền. Nam Phi cho rằng đó là những cảnh quen thuộc.

Ông Lý Quang Diệu định nghĩa lại chủ nghĩa cộng sản

Cựu thủ tướng Singapore, ông Lý Quang Diệu, đã viếng thăm Việt Nam trong năm ngày cuối tháng 4-1992 vừa qua. Ông đã đến Hà Nội, Huế, Sài Gòn, và gặp gỡ tất cả các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước, từ ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn Linh đến những chuyên viên kinh tế. Ông ghi nhận ý muốn của Hà Nội đi vào một nền kinh tế thị trường, nhưng ông nói phải hội đủ một số điều kiện mới có thể thành công được. Một điều kiện cơ bản theo ông là sự thay đổi cách suy nghĩ để có thể chuyển từ phong cách làm ăn xã hội chủ nghĩa qua những lề lối của một nền kinh tế thị trường.

Tuy vậy, ông cũng tuyên bố với phóng viên hãng thông tấn Reuter rằng "kinh tế thị trường và chủ nghĩa cộng sản vẫn có thể sống chung được tại Việt Nam, với điều kiện phải thay đổi định nghĩa của chủ nghĩa cộng sản". Ông nói "nếu chủ nghĩa cộng sản có nghĩa là đảng cộng sản Việt Nam vẫn nắm quyền, nhưng nới lỏng kiểm soát và cho phép tư nhân có sáng kiến, bỏ vốn làm ăn tự do, cho phép chủ nhân được tuyển nhân viên một cách tự do, cho phép người ngoại quốc đến làm ăn và mang lợi nhuận về nước họ, thì tôi nghĩ có thể được". Một cách rõ rệt hơn, ông tuyên bố "cộng sản theo kiểu Brejnev thì chắc chắn thất bại, cộng sản theo kiểu Gorbachev đã không thành công, nhưng cộng sản theo kiểu Đặng Tiểu Bình đã "chạy tốt" (that has worked)".

Chắc chắn định nghĩa này của ông Lý Quang Diệu sẽ làm nhậy nhõm những lý thuyết gia của chủ nghĩa Mác, nhưng phải hiểu rằng tại Việt Nam hiện nay, chủ nghĩa xã hội chỉ còn là cái cờ cho sự bám víu độc quyền chính trị của một tập đoàn đang trở thành một băng đảng mafia.

Cũng nên nhắc lại là ông Lý Quang Diệu được Hà Nội mời làm cố vấn, nhưng ông từ chối và tuyên bố sẽ chỉ đóng vai một quan sát viên kinh tế chính trị mà thôi. Ông Lý Quang Diệu là một lãnh tụ nổi tiếng chống cộng, và cũng nổi tiếng vì đã đưa Singapore lên hàng một con rồng Á Châu bằng con đường tự do kinh tế và độc tài chính trị. Sự kiện các nhà lãnh đạo Hà Nội mời ông làm cố vấn đã một lần nữa nói lên rõ rệt ý muốn của họ: mở rộng kinh tế, siết chặt chính trị. Họ cố tình quên đi tầm vóc và vị trí đặc biệt của Singapore rất khác Việt Nam, và nhất là thời điểm cất cánh của Singapore hoàn toàn khác với thời đại ngày nay.

Sài Gòn: thành phố của người Hoa?

Nhiều người sau khi từ Việt Nam trở về đều nhìn nhận Sài Gòn đã tìm lại không khí tung bùng của thời trước. Nhưng Sài Gòn ngày nay khác Sài Gòn ngày xưa.

Thành phần tệ đoan ngày nay đầy rẫy ngoài đường phố: công

an làm tiền dân chúng ban ngày, đi đêm, trộm cướp hành nghề ban đêm. Doanh nhân Hoa kiều thay thế quân nhân Mỹ. Di giữa Sài Gòn ban đêm, dưới màu sắc chói lọi của ánh đèn màu, người ta có cảm tưởng đang đi vào một thành phố Trung Hoa. Ăn mặc giống người Hồng Kông mới đúng "model". Muốn thành lập cơ sở kinh doanh phải có vốn của Hoa kiều mới được để dàng cấp giấy phép. Công nhân Việt Nam sung sướng được làm việc trong những hãng xưởng của Hoa kiều. Vũ nữ Việt Nam thích hành nghề trong những nhà hàng ca vũ nhạc của chủ nhân Hoa kiều. Khách Việt Nam rất hãnh diện bỏ tiền hưởng "nhất dạ đế vương" trong những đại tửu lâu của người Hoa. Nhân viên giao dịch quốc tế hiện nay tại Sài Gòn chỉ cần biết tiếng Hoa và tiếng Anh là được ưu tiên tuyển dụng. Nói chung hiện nay tại Sài Gòn cái gì có dính líu đến người Hoa đều là nhất cả.

Từ sau 1988, Đài Loan và Hồng Kông là hai nước đã bỏ tiền nhiều nhất vào Việt Nam, gần 1 tỷ USD, cho những dự án đầu tư. Lớn nhất là dự án xây cất một khách sạn 650 phòng do tổ hợp Hong Kong's New World Hotel Group thực hiện. Đầu tư lớn thứ hai là của hãng Taiwan's Central Trading & Development Corp. dự định xây cất một gang cảng lớn để xuất khẩu nông sản thực phẩm từ Việt Nam sang Nhật Bản và Nam Hàn. Central Trading cùng Pan Viet của Đài Loan đang xây cất một trung tâm thương mại lớn nhất tại Tân Thuận với số vốn 90 triệu USD. Trung tâm này sẽ chứa khoảng 300 xí nghiệp, sử dụng 80.000 công nhân cho nhu cầu xuất nhập cảng. Đài Loan dự định xây một xa lộ dài 17 cây số trị giá 55 triệu USD nối liền trung tâm thương mại Tân Thuận với Sài Gòn. Nhiều công ty Đài Loan khác đã được quyền sử dụng dài hạn nhiều vùng đất rộng lớn để khuếch trương du lịch: khu Fairyland tại Vũng Tàu, đồi Cù tại Đà Lạt và nhiều khu đất rộng lớn khác trong tỉnh Đồng Nai.

Singapore là một khách hàng lớn của Sài Gòn, số thương vụ trong năm 1991 đã lên đến 600 triệu USD. Sài Gòn nhập vật dụng công nghiệp và tiêu dùng, xuất nông sản thực phẩm, dầu thô sang Singapore. Malaysia cũng không để lỡ cơ hội, doanh nhân Malaysia (60% là người gốc Hoa) được phép dò tìm dầu lửa ngoài khơi Biển Đông và công ty Renong Bhd. dự định xây cất một cầu bê-tông bắc ngang sông Sài Gòn, trị giá 65 triệu USD.

Hoa Kỳ nói lỏng lệnh cấm vận

Ngày 29-4 vừa qua bà Tutwiler, phát ngôn viên của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, đã chính thức thông báo quyết định nói lỏng lệnh cấm vận về việc buôn bán với Việt Nam. Theo đó các nhu yếu phẩm: thuốc men, lương thực, quần áo, thiết bị giảng dạy... không còn bị cấm bán cho Việt Nam. Ngoài ra, các tổ chức ngoài chính phủ (N.G.O.) sẽ được phép tiến hành các dự án nhân đạo tại Việt Nam. Cũng nên nhắc lại, thi hành những điều ghi trong lộ trình 4 điểm "road map" nhằm bình thường hóa quan hệ ngoại giao Việt-Mỹ, từ đầu năm 1992 Hoa Kỳ đã lần lượt cho phép các ngân hàng Hoa Kỳ chuyển kiều hối từ Mỹ về Việt Nam (12-3), bãi bỏ hạn chế liên lạc viễn thông (13-4) và mới đây (16-4) cho phép hãng ATT lập lại đường dây liên lạc trực tiếp giữa hai nước.

Bà Tutwiler cho biết "đây là một bước tiến nhỏ trong lộ trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao Việt Mỹ" và sẽ có những bước đi tương ứng với thái độ của nhà cầm quyền Hà Nội giải quyết hồ sơ tìm tù binh và người Mỹ mất tích tại Việt Nam (POW/

MIA). Trên vấn đề này Hoa Kỳ cho biết còn 1.700 hồ sơ mất tích tại Việt Nam trên tổng số 2.400 người lính Mỹ mất tích trong cuộc chiến tại Đông Dương. So với số lính Mỹ mất tích trong thế chiến thứ hai (78.000) và trong chiến tranh Triều Tiên (8.100) thì số người mất tích tại Đông Dương tương đối thấp. Tuy nhiên đây vẫn là một điều nhức nhối cho Hoa Kỳ khi lá cờ rũ nền đen về tù binh và người Mỹ mất tích vẫn còn treo trước điện Capitol. Bộ Tài Chánh Liên Bang qua những thông cáo vẫn có thái độ cứng rắn trong việc áp dụng lệnh cấm vận. Bằng chứng là họ đã chỉ thị các Ngân Hàng có trụ sở tại Mỹ không được tài trợ cho Việt Nam ngoài việc chuyển kiều hối nêu trên. Trong những định chế tài chánh quốc tế như Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới, Ngân Hàng Phát Triển Á Châu, đại diện Hoa Kỳ cương quyết chống lại việc cấp viện cho Việt Nam. Nguồn tin từ Washington và Manila cho biết một cách bán chính thức là các hồ sơ tháo khoán đã sẵn sàng nhưng đèn xanh chỉ có thể bật vào tháng 2-1993 sau cuộc bầu tổng thống tại Mỹ.

Thỏa ước cưỡng bách hồi hương người tị nạn tại Hồng Kông

Ngày 12-05-1992, tại Hà Nội, hai chính quyền Anh Quốc và Việt Nam đã ký một thỏa ước về cưỡng bách hồi hương những đồng bào tại Hồng Kông không được công nhận quy chế tị nạn sau khi qua thanh lọc. Đại diện cho Anh Quốc là đại sứ Anh tại Hà Nội, ông Peter Williams. Thỏa ước này được ký kết sau nhiều tháng điều đình về những phương cách cụ thể của diễn tiến hồi hương. Đây cũng là phần tiếp theo của thỏa ước Anh-Việt ký ngày 29-10-1991, chấp nhận nguyên tắc cưỡng bách hồi hương (Thông Luận số 44).

Theo báo International Herald Tribune, trong những việc cụ thể được mang ra điều đình, có việc Hà Nội muốn Anh Quốc tài trợ cho chương trình hồi hương, nhưng phía Anh đã cương quyết từ chối, với lý do là mỗi người hồi hương đã được Cao Ủy Tị Nạn trợ cấp, còn nhà nước Việt Nam cũng được Cộng Đồng Âu Châu viện trợ 120 triệu đô-la. Cuối cùng Hà Nội đã ký vì đang cần cải thiện bang giao với Hồng Kông và Anh Quốc.

Một thông cáo chung nói vẫn tất rằng Anh quốc, Hồng Kông và Việt Nam "thỏa thuận về việc hồi hương những người Việt nhập cư bất hợp pháp, không được nhìn nhận tư cách để được định cư ở một nước thứ ba", và các cuộc hồi hương cưỡng bách sẽ được tổ chức "trong những điều kiện trật tự, an toàn và tôn trọng nhân phẩm".

Ông Alistair Asprey phụ trách an ninh tại Hồng Kông cho báo chí hay chuyến bay đầu tiên trong chương trình cưỡng bách mới này sẽ chở từ 50 đến 60 người vào cuối tháng 6 này. Ông cũng tuyên bố chương trình dự trù kéo dài 4 năm, với nhịp độ 1000 người mỗi tháng.

Từ khi ký thỏa ước 29-10-1991, đã có ba chuyến bay cưỡng bách hồi hương 123 người. Đây là những người đến sau ngày 29-10-1991, hoặc đã hồi hương một lần rồi lại trở qua Hồng Kông lần nữa (double-backers). Số người đến Hồng Kông cũng đã giảm tới mức không đáng kể. Trong khi đó, chương trình hồi hương "tự nguyện" vẫn được khuyến khích, và hiện đã có gần 18.000 người trở về Việt Nam theo diện này từ tháng 3-1989.

Hoa Kỳ đã không có phản ứng đối với thỏa ước mới ký, tuy

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC

Hoa Kỳ vẫn có thái độ lý thuyết là lên án cương bách hồi hương. Cao Ủy Tị Nạn LHQ - cũng chống cương bách hồi hương - thì ra một thông cáo "mong mỗi những người không được quy chế tị nạn nên tự nguyện hồi hương".

Hai ngày sau khi thỏa ước được ký kết, hơn 6000 người trong trại High Island đã biểu tình bất bạo động chống lại cương bách hồi hương.

RFI phỏng vấn nhân "Ngày quốc tế tự do báo chí" 3-5-92

Ngày 3 tháng 5 đã được hội Phóng Viên Không Biên Giới và cơ quan UNESCO của Liên Hiệp Quốc đề xướng làm "Ngày quốc tế tự do báo chí". Năm nay, giới truyền thông trên toàn thế giới đã tham gia hưởng ứng với những chương trình đặc biệt theo chủ đề "Không có tự do nếu không có tự do báo chí".

Nhân dịp này, đài RFI (bộ phận quốc tế của hệ thống truyền thanh Pháp) trong chương trình tiếng Việt, đã phỏng vấn Thống Luận về đề tài "tình trạng báo chí tại Việt Nam". Ông Phạm Ngọc Lân đã trả lời phỏng vấn trực tiếp trong chương trình "Khách mời ngày chủ nhật" chiều 3-5-92.

Trước tiên, ông Lân nhắc đến những người cầm bút và ký giả đã chết trong tù sau ngày 30-4-75 để tưởng niệm họ nhân "Ngày quốc tế tự do báo chí": Nguyễn Hoạt (bút hiệu Hiếu Chân), Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, Dương Hùng Cường, Lê Trung Nghĩa. Đó chỉ là một số những người được biết đến tại miền Nam trước đây. Hiện nay theo các nguồn tin từ trong nước, cũng như theo báo cáo của các cơ quan như Hội Ân Xá Quốc Tế, hội Phóng Viên Không Biên Giới, vẫn còn một số nhà báo bị cầm tù. Các ông Nguyễn Đức Thuận (bút hiệu Châu Sơn), Lê Nguyên Ngũ (bút hiệu Hồ Nam), Phạm Thái Thủy đã bị bắt cùng các ông Đoàn Viết Hoạt, Tô Thủy Yên, Mai Trung Tinh, Vương Đức Lệ vào tháng 11-1990. Những người khác đang bị cầm tù được biết đến là các ông Nguyễn Văn Tân (bút hiệu Cao Sơn), Trần Nhơn Cơ (phóng viên đài phát thanh bị bắt từ 1977), Thái Như Siêu (người gốc Hoa, nguyên phó tổng biên tập báo Tân Việt Hoa tại miền Bắc, bị kết án 20 tù từ năm 1984 với tội danh gián điệp).

Ông Lân cũng đã dẫn chứng cụ thể để tố cáo chính sách bóp nghẹt tự do báo chí của chính quyền cộng sản Việt Nam. Ngay sau ngày 30-4-75, tất cả các báo của tư nhân tại miền Nam trước đây đều bị đóng cửa. Nhật báo tư nhân duy nhất được phép xuất bản là tờ Tin Sáng của ông Ngô Công Đức cuối cùng cũng bị đóng cửa từ 11 năm nay. Tạp chí Dựng Dậy của linh mục Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan, cũng bị đình bản vào cuối năm 1978. Còn những người làm báo tại miền Nam trước đây, nếu họ không bị đi cải tạo vào tháng 6-1975 thì cũng không thoát được một chiến dịch đại quy mô được tung ra vào ngày 3-4-1976, nhằm bắt toàn bộ những người làm văn hóa tại miền Nam trước đây. Có người đã bị cầm tù trên 10 năm. Diễn hình phải kể đến nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến đã bị tù lần đầu 12 năm, đã tuyệt thực 100 ngày trong tù, sau khi được trả tự do một thời gian lại bị bắt lại, lại tuyệt thực và mới được trả tự do cách đây không lâu.

Được hỏi về tình hình báo chí hiện nay trong nước có vẻ khởi sắc về số lượng cũng như nội dung thông tin, ông Lân đồng ý là có sự nở rộ về số lượng báo chí cũng như về lượng tin tức, nhất

là tin tức quốc tế, nhưng xét về phương diện tự do ngôn luận, không những đã không có tiến bộ mà còn có thể nói đã thụt lùi. Dẫn chứng cụ thể là luật báo chí được thông qua tháng 12-1989, với những câu văn kiểu như "không được tuyên truyền chống đối đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, chống chế độ xã hội chủ nghĩa, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, gây hoang mang, mất lòng tin của nhân dân", thực chất là những sợi dây thòng lọng tròng sẵn vào cổ những người làm báo. Nó có nghĩa là người làm báo chỉ được quyền ca ngợi các đường lối chính sách của nhà nước, dù đường lối chính sách đó có sai đi chăng nữa. Gần đây hơn, ông Đỗ Mười, tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam, trong dịp hội nghị báo chí và xuất bản tại Hà Nội, ngày 21-01-1992, đã khẳng định là "dưới sự lãnh đạo của đảng và quản lý của nhà nước, báo chí phải hoạt động đúng tôn chỉ", và ông còn đưa ra năm điểm cụ thể, trong đó có điểm "báo chí phải đề cao chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh" và "báo chí cần nói rõ nền dân chủ của ta là dân chủ xã hội chủ nghĩa".

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn đó, các anh chị em làm báo trong nước hiện nay vẫn cố gắng nói lên sự thật cho đồng bào. Và nhất là khi lo sợ những tin về tham nhũng, về buôn lậu... các ký giả vẫn tìm cách viết "lách" để tố cáo nền tảng của chế độ là độc tài đảng trị. Vì vậy, đọc báo hiện tại ở trong nước là phải đọc giữa các dòng chữ. Theo ông Lân, anh chị em trong nước đang phải chiến đấu rất cam go để nói lên được phần nào nguyện vọng của người dân, và người ở hải ngoại phải thông cảm, chia sẻ nỗi khó khăn đó và hỗ trợ tinh thần người làm báo trong nước.

"Tham nhũng gia tăng sẽ dẫn đến bất ổn chính trị"

Đó là lời tuyên bố của tổng thanh tra Nguyễn Kỳ Cẩm đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 14-5-1992. Hồ sơ tham nhũng liên quan đến một số chức sắc cao cấp trong những năm gần đây gồm có 6 thứ trưởng, 16 tổng giám đốc, 13.000 giám đốc, chủ tịch, phó chủ tịch các xí nghiệp. Theo ông Cẩm, có 4.617 trường hợp được giải tòa với kết quả: 20 người lãnh án tử hình, 444 bị xử 20 năm tù và 2.597 bị xử dưới 5 năm tù ở.

Tham nhũng đã hiện diện ở mọi cấp trong guồng máy nhà nước từ trung ương đến nhân viên thường trong các xí nghiệp quốc doanh, đặc biệt trong lãnh vực tín dụng, xây cất và dầu hỏa. Ba trong 6 thứ trưởng bị kết tội tham nhũng nằm trong ngân hàng. Nguyễn Kỳ Cẩm còn tiết lộ ngân hàng và công ty dầu đã cấu kết đem bán số dầu thuộc khoản dự trữ chiến lược để cất riêng 600.000 USD (# 7 tỷ đồng), làm thiệt hại công quỹ hàng triệu đô-la. Chiến dịch truy lùng tham nhũng chỉ đem lại 3,5 triệu USD và một số vàng trị giá khoảng 1,1 triệu USD.

Trại hợp mặt thanh niên Việt Nam Đông và Tây Âu

Nhằm mục đích tạo tình thân giữa thanh niên Việt Nam đang cư trú tại Đông và Tây Âu, có cùng nhạy cảm về tình hình đất nước, Nhóm Việt Trẻ Praha (Tiệp Khắc) và Hội Sinh Viên Học Sinh Tị Nạn tại Berlin (Đức) sẽ tổ chức một trại hè dưới chủ đề "Thanh niên Việt Nam trước hiện tình đất nước" trong ba ngày từ 31-07 đến 02-08-1992. Liên lạc: Hội Sinh Viên Học Sinh Tị Nạn Tại Berlin, c/o Ho V.P., Bandelstr. 45, 1000 Berlin 21-Germany, hay Nhóm Việt Trẻ, c/o Tran, P.O. BOX 8, Posta 07, 11007 Praha 1 - Tchécoslovaquie. □

Thuyền sắp chìm

Tình cờ tôi được đọc Thông Luận số 44 (12-91), trong đó có nhiều bài đáng chú ý như "Quy đạo của chó" của Nguyễn Gia Kiểng, "Theo vết xe đổ" của Nguyễn Văn Huy, v.v... Những bài này phân tích tình hình đất nước một cách khoa học và có dụng ý thúc đẩy tinh thần hòa giải dân tộc, điều vô cùng cần thiết hiện nay đối với sự sống còn của dân tộc ta.

Sinh ra và lớn lên trong lòng chủ nghĩa xã hội, từ tin tưởng, dần dần nghi ngờ và cuối cùng đoạn tuyệt với những tư tưởng của nó, chúng tôi trở thành những kẻ tha hương như các anh chị, những người đã từng ở "phía bên kia". Từ con thuyền nợ nần sang con thuyền kia, tôi nhận thấy rằng, cả hai con thuyền đều đang sắp chìm giữa biển cả của trào lưu dân chủ hóa, với những đợt sóng của cuộc cách mạng kỹ thuật, công nghệ. Trên những con thuyền cũ kỹ này đây áp sự thù hận ích kỷ, bị kích động bởi những tham vọng ngông cuồng của những thế lực mệnh danh là "xã hội chủ nghĩa", là "quốc gia"... Chừng nào những tảng đá đó chưa bị quăng xuống biển và những con thuyền nhỏ Việt Nam chưa hợp quần lại với nhau thì đừng hy vọng gì có thể nổi được, chưa nói đến lướt sóng.

Tôi rất mừng, khi thấy ngày càng có nhiều người Việt, lưu vong, đối lập cũng có, mà ngay trong số đảng viên đang cầm quyền cũng có, đã nhìn thấy cái hiểm họa chung của dân tộc, đang nỗ lực đấu tranh vì một quá trình dân chủ hóa không có bạo lực, không có thù hận ở Việt Nam. Muốn vậy, những tư tưởng này phải được phổ biến rộng rãi trong quần chúng trong và ngoài nước.

Là một "cán bộ", tôi chỉ xin góp ý với các anh chị một điều rút ra từ kinh nghiệm bản thân: đối với độc giả trong nước, nhất là ở "Bắc Hà", [...] chỉ có những bài viết có cơ sở khoa học và không mang tính thỏa mạ, chửi bới, mới phát huy được tác dụng. Ngay cả ban lãnh đạo báo Nhân Dân cũng thừa nhận là những bài xã luận đanh thép của họ ít có tác dụng đối với giới trí thức, mà chủ yếu chỉ là một "message" gửi đối phương mà thôi. [...] Trong phần thời sự Thông Luận (số 44) đã đưa nhiều lời bình có tính "provocative" không cần thiết, ví dụ như trong các tin "Quốc gia đại sự!", "Đảng bị tẩy chay và mắc bệnh già"...

[...]

Nguyễn Xuân Thọ (Köln, Đức)

Góp ý nhân đọc Thông Luận số 48

Không biết vì tôi lơ đãng khi hết hạn không trang trải kịp thời hay vì thất lạc, 3 số TL cuối cùng mãi nay mới tới tay nhờ ở lượng khoan dung của một bạn nào đó trong tòa báo.

Nhiều vấn đề quan trọng về đất nước trôi qua trước mắt - nên cố gắng bỏ thì giờ đọc cho hết số 48 mới ra. Phần chót trang chót có mấy dòng chữ đậm: TL hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp... làm tôi bật miệng nói một mình: "Thật cỡ mớ!"

Bài "góp ý" này sinh nở từ cảm thức đó ra. Tuy suy tư thường như rằng: cuộc tranh đấu này cho đất nước Việt Nam là phần giới trẻ. Số phận tròn méo, giàu sang, khời sắc vinh quang là ở họ. Họ tranh đấu, xây dựng theo sở trường, tài đức của họ.

Bản thân ta tuy có nhiều kinh nghiệm, nhưng đã trên 80 tuổi đời, già cỗi, nhiều đề tài hệt tâm tay tại thiếu thức thời, kém năng động. Vì thế chỉ xin góp một ít ý để rộng nghị luận.

1- Về bài xã luận: Người da trắng Nam Phi bỏ phiếu chấm dứt chế độ kỳ thị chủng tộc. Tuy xã luận "Vấn đề trong tháng" đề cập đến một vấn đề của nước ngoài, nhưng tác giả đã khéo gắn bó cuộc tranh đấu giữa hai chủng tộc trắng đen cùng cuộc tranh đấu hiện nay của Việt Nam, hai chính thể đỏ trắng. Tôi đồng ý về lời kết: "Tại Việt nam, chúng ta không thể trông cậy ở hảo tâm của đảng cộng sản Việt Nam". Bất cứ một cuộc đấu tranh nào cũng đều là tương quan lực lượng, thắng là ở phía khỏe hơn dù nó là ôn hòa không dùng bạo động. Phải gây lực lượng bằng sự hợp quần, sức mạnh ở chỗ kết tụ đông đảo những người cùng chung nguyện vọng. Khi ta mạnh là họ đầu hàng.

Nhưng tôi hoài nghi "Thế giới sẵn sàng ủng hộ chúng ta khi chúng ta đứng dậy tranh đấu đòi dân chủ". Tục ngữ Pháp có câu: Aide toi, le ciel t'aidera. Trời đây vô tư, nhưng ta nên nghĩ là trên thế giới này không có nước nào ủng hộ hay giúp đỡ ta một cách vô tư không vụ lợi.

2- Hoa Kỳ: lãnh tụ trật tự thế giới mới? của ông Huỳnh Hùng.

Một đầu đề hấp dẫn, nhất là đối với tôi, khát vọng như người khát nước đã mấy năm nay từ khi khối xã hội chủ nghĩa tan rã. Tầm mắt và ngoại ngữ eo hẹp của mình đã làm mình không đọc được những bài về chủ đề đó. Nên bài của ông Huỳnh Hùng đã được "nốc một hơi" không nghĩ. Song tiếc từ đoạn 5 trở đi, ông Hùng chuyển qua kinh tế. Với nửa trang giấy ông Huỳnh Hùng với mọi số liệu đã cho biết tương quan xuất nhập khẩu của máy nước kỹ nghệ tiên tiến như Nhật, Đức đối chiếu cùng Hoa Kỳ. Làm sao trong phạm vi này đề cập đầy đủ các khía cạnh khác của kinh tế hoàn cầu như ngân sách, tình hình các xí nghiệp, cơ quan sản xuất, nạn thất nghiệp, tiền tệ, v.v... có một điểm ta phải nhận định là về mặt tiền tệ, đồng đô-la làm bá chủ hoàn cầu trong ngoại thương, không nước nào lại không phải dùng đến nó trong việc mua bán hàng hóa từ nước này qua nước khác. Người ta nói De Gaulle phải "về vườn" cũng vì một phần lớn do muốn tước quyền của đô-la. Ngày nay Liên Hiệp Châu Âu đang muốn đưa đồng ECU ra để đối phó. Ta chờ xem kết quả ra sao?

Thông Luận đang tranh đấu để tiến khai trên đất nước Việt Nam một nền dân chủ đa nguyên đa đảng để có những tư tưởng phong phú, nhất là để tránh chuyện chế độ độc tài độc đảng. Ngày nay nếu ta nhìn về cục diện thế giới, từ khi khối xã hội chủ nghĩa không còn chính thể xã hội chủ nghĩa nữa, nhiều người vỗ tay cho như thế là từ nay trên đài quốc tế không còn đối kháng, không còn "chiến tranh lạnh" nữa. Vì ngay Yeltsin hôm trước làm chủ tịch hôm sau đánh điện báo ngay cho tổng thống Bush hay. Thân thiện? Hay đầu hàng? Hay đô-la? Khi ông Bush cho quân chiếm Granada, rồi vào nội địa Panama - một nước có độc lập, có chủ quyền - bắt sống chủ tịch Manuel Noriega đem về Hoa Kỳ xử tội theo luật pháp Hoa Kỳ, có ai dám hó hé gì đâu? Có thể tòa án Hoa Kỳ kết tội 10 năm tù. Rồi đến việc tẩy đình năm ngoái đây, cả một đoàn quân với đủ khí giới tối tân, hiện đại - đội lốt Liên Hiệp Quốc - thả bom, dùng hỏa tiễn tiêu diệt cả một dân tộc vì chủ tịch nước Iraq này đã cả gan chiếm đóng, thôn tính các kho, các hầm dầu hỏa của Kuwait có thể tác động xấu đến nền kỹ nghệ, kinh tế Hoa Kỳ và các cường quốc. Phải chi Liban cũng sẵn dầu hỏa như Kuwait thì nền độc lập đầu có bị tan vỡ, đất đai đầu có bị xâm chiếm, nào Syrie, nào Israel như ngày nay. Đã có các cường quốc mang đại đội đến đuổi ngoại xâm và các công ty nhảy vọt tới để xây dựng lại đất nước. Các nhà đương cuộc Pháp đầu phải than phiền là mình cũng mang quân, đại đội máy bay đến Iraq mà miếng đình chung chỉ được mấy mảnh vụn sót thừa lại. Ngờ đâu

mỗi quân nhân Hoa Kỳ là một kiện tướng Marketing, trong "balo" đã có sẵn hợp đồng thương mại!

Về mặt kế toán, ngoài quyền lợi đầu hòa, ngoài hợp đồng thương mại kể trên, tính sổ ra theo thu chi thì còn lời ra hàng mấy chục tỷ đô-la để chia cho mấy cường quốc đã mang quân tham dự cuộc chiến thắng. Quên chưa kể thực lời về cơ hội độc nhất để tiêu hủy các chiến cụ cũ rích và "tester" các hỏa lực tối tân mới sáng tạo ra.

Nên ra đây không phải tôi có ý xấu "chống Hoa Kỳ" nhưng để ta suy nghĩ về tình hình quốc tế ngày nay. Nếu sự tan vỡ của khối Liên Xô mang lại trên đài quốc tế một sự lệch lạc mất thăng bằng, cá lớn nuốt cá bé hay theo "luật rừng" tự do của nhân loại thì lại vẫn bế tắc như xưa. Cái mâu thuẫn oan trái của ta ngày nay là ở đó.

Ngày nay người ta còn đang hăm dọa Iraq vì Iraq có xí nghiệp nguyên tử, trong khi Israel đã tiến bộ hơn Iraq về việc tạo tác xong một bom. Chẳng ai nói đến phải tiêu diệt Israel cả. Nếu tôi đoán không sai, tội của Iraq là đã cả gan chuẩn bị hỏa lực để đánh bại Israel, lấy lại sĩ diện hay nói một cách khác trả thù cho dân tộc Ả Rập. Israel với trên 3 triệu dân đang hoành hành trên vùng Cận Đông mà dân số có trên 60 triệu người Ả Rập.

Nhưng đây cũng lại là chuyện người, vậy xin chấm hết.

3- Và xin xem đến bài của ông Phạm Xuân Tích dưới đề: "Thử đặt lại vấn đề giáo dục của Việt Nam trong thể chế dân chủ đa nguyên".

Xin thành thật tự thú là tôi mù tịt về tổ chức, về hệ thống của ngành giáo dục, nên khi đọc xong bốn cột báo Thông Luận, tôi không hiểu gì hết.

Dưới tiêu mục 1: Nền giáo dục sẽ xây dựng trên căn bản nào? Tôi được biết tác giả đã là người chịu trách nhiệm phụ trang giáo dục của nhật báo Hòa Bình và "đã lên tiếng cảnh báo sự tranh chấp giữa hai trào lưu giáo dục Mỹ và Pháp trong môi trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn". Nếu tôi hiểu không sai thì "trào lưu giáo dục" đây là trường phái y học. Tôi đọc tiếp câu kết luận của ông: "Vì vậy, trước hết chúng ta khẳng định và cương quyết không chấp nhận một khuôn mẫu giáo dục khô cứng ngoại lai nào cho Việt Nam. Dứt khoát sẽ không có vấn đề thiết lập các trường ngoại quốc tại Việt Nam.

Cả hai đề nghị này tôi đều không đồng thuận vì tôi không hiểu nổi mẫu giáo dục khô cứng ngoại lai là gì cả. Mẫu giáo dục Hoa Kỳ hay Pháp, Úc, Canada, Nga, Trung Quốc mà ông đã kể ở trên? Rất mong một ngày gần đây ông Phạm hình thành trên giấy những ý đó đã được áp ủ trong tâm trí của ông trong nhiều năm nay để mọi người được bàn luận rồi chuẩn y và tôi được hân hạnh tiếp đọc trước.

Nhân tiện xin phép độc giả Thông Luận ít phút để bàn tới "tính từ kép: ngoại lai" mà không mấy ngày không thấy xuất hiện trên các bài báo của chúng ta.

Người ta trách đảng cộng sản Việt Nam đã áp dụng một chủ nghĩa ngoại lai. Nay ông Phạm "khẳng định không chấp nhận một khuôn mẫu giáo dục ngoại lai". Còn ở đây riêng tôi chỉ xin độc giả khoan hồng cho tính từ kép đó, vì thấy nó không có lỗi gì cả, nhất là ngày nay với mọi làn sóng điện của cách mạng viễn thông, không có một nước nào tránh né được sự đột nhập của nó.

Và nói ngay là ở nước Việt Nam ta đạo Phật, đạo Thiên Chúa đều là ngoại lai, văn hóa Khổng, Mạnh, Lão đều là ngoại lai. Việt Nam chậm tiến như ngày nay cũng vì vua quan xưa không kịp thời hội nhập khoa học tiến tiến ngoại lai. Nói về mặt lý luận triết

lý, chủ nghĩa của Karl Marx vô cùng nhân đạo: người không bóc lột người, có làm có ăn, làm việc theo khả năng, tiêu thụ theo nhu cầu. Nhưng cái ung độc làm thoái hóa là ở con người, con người bản tiện, hám quyền lực, vô trách nhiệm. Ở Nga, Staline muốn thống trị đã hạ "đồng chí" trong bể máu. Việt Nam có Nguyễn Ái Quốc học trò chính cống của Staline, lại được Borodine tôi luyện trong nghề làm cách mệnh cho. Sau đổi họ, đổi tên là Hồ Chí Minh thì rập khuôn mọi chính sách của "Bác Mao". Về kinh tế, về chiến thuật chống Pháp, về văn hóa "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng". Về trị dân có cải tạo tư thương, có cải cách ruộng đất. Pol Pot cũng áp dụng mọi chính sách đó với một mức độ cao hơn. Thảm trạng ngày nay trên đất nước của chúng ta là do con người. Con người đó ngày nay vẫn được đề cao, vẫn được tôn Nhân Dân của đảng cộng sản Việt Nam nêu ra để làm kiểu mẫu, để dẫn đường, tuy đường xã hội chủ nghĩa đã bị tiêu diệt ở các nước Đông Âu.

Kết luận ta đừng sợ tính từ ngoại lai. Nếu Việt Nam muốn vươn lên khỏi quỹ đạo của các nước bán khai, ta phải đưa cả hai tay, lẫn tâm trí đón tiếp mọi tư tưởng, mọi khoa học, mọi kỹ thuật tiến tiến, mọi văn hóa, mọi tinh hoa của loài người rồi chọn lọc những phần hay, phần tốt, cô đúc lại cho hợp với dân tính, với trình độ Việt Nam. Đừng sợ tính cách ngoại lai của những môn đó. Ông Phạm: "Dứt khoát sẽ không có vấn đề thiết lập các trường ngoại quốc." Trong sự dứt khoát này, tiếc ông lại không cho biết các lý do của nó. Trái với ông tôi lại mong muốn vấn đề này được giải quyết trong một bầu không khí hữu nghị và một tương lai đầy hứa hẹn. Ông sợ trường ngoại quốc sẽ lấn át trường Việt Nam, hay sợ người Việt Nam nói được nhiều ngoại ngữ? Riêng tôi rất thần phục thấy một người bất cứ nước nào nói được năm sáu ngoại ngữ. Rồi còn gì đáng khuyến khích hơn là có nước ngoài mở trường xây cất có quy mô, có giáo sư giỏi ở trên đất Việt Nam, mà Việt Nam không tốn một đồng, mà cũng không bị cắt xén gì vào chủ quyền quốc gia. Tôi chỉ thấy có lợi mà không thấy có hại.

Thời Mới (St-Cézaire, Pháp)

Tiếng Nói Bulgaria vắng mặt

[...] Đọc tờ Thông Luận số 47 thấy có nhắc đến Tiếng Nói, nay viết thư đến các anh để trình bày rõ tình hình của chúng tôi.

Tờ Tiếng Nói đã vắng mặt hơn 5 tháng. Chúng tôi thiếu người quá, anh em lại đang ở trong thời kỳ kết thúc học tập, đang bối rối là sống ở đâu, làm gì. Những cản trở này tỏ ra khá nặng.

Chúng tôi vẫn nóng lòng theo dõi hoạt động của Thông Luận. Chúng tôi đang góp sức loan truyền lời kêu gọi Xuống Đường Đòi Dân Chủ. Chúng tôi nghĩ rằng đây là một chiến dịch lâu dài, đòi hỏi nhiều công sức tổ chức, vận động. Chúng tôi sẵn sàng tham gia trong khả năng có thể.

Chúng tôi sẽ cố gắng khôi phục lại hoạt động. Chúng tôi nghĩ rằng, tuy quan trọng, tờ báo vẫn chỉ là một phương tiện, và để đạt được mục đích phải cần làm việc cụ thể [...]

Nguyễn Hồng Việt (Sofia, Bulgaria)

Những vấn đề Việt Nam

uyển tập nhiều tác giả trong và ngoài nước, 464 trang

Nhà xuất bản Trăm Hoa, P.O.box 4692

Garden Grove, CA 92642, USA, giá 22 USD

có thể mua qua địa chỉ Thông Luận, giá 130 FRF, kể cả cước phí.

Sổ Tay

Ông Tư Bà Nguyệt

Không hiểu cụm từ ông Tư bà Nguyệt xuất hiện từ lúc nào. Nhưng chắc là từ lâu lắm rồi, rất Việt Nam và rất thơ mộng. Ông Tư bà Nguyệt xe duyên cho nam nữ thành vợ thành chồng, sinh con đẻ cái để rồi họ thành ông, thành bà. Nói nôm na ra, họ là những người làm mai mối, ngôn ngữ dân gian gọi họ là ông mai, bà mai. Tư thì tuyệt đẹp, tư đệt ra lụa. Sợi tơ mỏng manh mà gắn bó được hai con người suốt cuộc đời và để làm nảy sinh ra những cuộc đời mới. Còn bà Nguyệt? Nguyệt có lẽ là trăng. Dưới ánh trăng lung linh, vừa rất sáng lại vừa rất mờ ảo, trai gái thề thốt chung thủy với nhau suốt đời. Có người còn mang cả kiếp sau ra hứa với nhau. Cũng rất đẹp, đẹp đến nỗi những lời thề này thường không trọn vẹn nhưng người ta vẫn tiếp tục thề. Thề rồi lỗi hẹn bởi vì, như Nguyễn Hồi Thủ nói, "Tim nói thực nhưng mà đời nói dối".

Nghề làm ông Tư bà Nguyệt bạc bẽo lắm. Trai gái lấy nhau, nếu hạnh phúc nó "hú hí" với nhau quên cả ông Tư bà Nguyệt, còn nếu "hục hặc" với nhau, nó rủa kẻ làm mai mối xui dẫn nó vào vòng oan nghiệt. Có câu tục ngữ nói rằng làm mai là cái đại nhất trong bốn cái đại lớn. (Trên đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu). Nhân tiện có vị thức giả nào hiểu rộng biết nhiều giải thích giùm cho kẻ hèn này tại sao gác cu lại là một trong những cái ngu lớn. Đi gác cu - để không cho chim phá lúa - nghe tiếng cu gáy thánh thót sung sướng hết sức, tại sao lại là ngu? Thực khó hiểu. Nhưng đầu sao "làm mai" thì ai cũng nhất trí coi là cái ngu lớn nhất. Vậy mà vẫn có vô số người muốn làm ông Tư bà Nguyệt là vì có gì? Có phải là người mình có cái ngu sẵn trong bản chất hay không? Có phải vì Hồ Quý Ly đã đổi tên nước Việt thành Đại Ngu?

Tất cả vấn đề là thế nào là ngu. Người ta bảo ông Tư bà Nguyệt ngu vì làm cái việc chẳng có ích lợi gì cho mình, cũng như những anh chàng ngu ngốc ăn cơm nhà vác gà voi, việc nhà thì nhác việc chú bác thì siêng. Nói tới ngu thì cũng phải nói tới khôn. Nếu ngu được hiểu là làm những việc không có lợi cho mình, thì khôn là ngược lại chỉ làm những việc có lợi cho mình

thời, còn việc thiên hạ thì mặc xác. Hóa ra càng ích kỷ càng khôn, càng vị tha càng ngu chẳng? Nếu hiểu như vậy thì đất nước nào gồm toàn người khôn cả thì cũng khó sống lắm. Không chừng những người rất khôn có thể tạo ra một tập thể rất... ngu.

Thực ra ông Tư bà Nguyệt cần lắm. Xã hội nào mà không cần trung gian? Quản trị một công ty là làm trung gian giữa những khả năng và những mục đích. Làm việc nước cũng là làm mai mối giữa những khát vọng và những con người. Còn làm kinh doanh thì khỏi phải nói. Chính vì thế mà nghề làm ông mai bà mối vẫn còn.

Nhưng muốn làm mai mối thì ít nhất phải có nhiều mối. Một anh bạn kể lại quãng đời du học vào những năm 1960. Lúc đó tại xứ anh ta du học chỉ có vài sinh viên Việt Nam. Các đầu mối quá ít nên chẳng cần mai mối gì cả, họ cứ nói huých toẹt ra ý định lấy nhau. Có anh còn dùng điện thoại hỏi cô bạn có "chịu" anh ta không, thế mà cũng nên duyên.

Anh bạn tôi ở một nơi chỉ có một cô gái Việt Nam du học cùng lứa tuổi. Vấn đề đặt ra không phải là mai mối, mà cũng không phải là chọn lựa, mà chỉ là chọn ngày làm đám cưới. Hiện nay họ sắp làm ông bà nội.

Làm mai mối phải có nhiều trai nhiều gái, cũng như đi buôn phải có nhiều khách hàng và nhiều hàng hóa. Có lẽ vì thế mà trong cộng đồng người Việt hải ngoại không còn thấy các ông Tư bà Nguyệt.

Một quan chức sắc trong ban biên tập bảo tôi "viết gì thì viết nhưng phải liên quan đến đấu tranh chính trị, Thông Luận không phải là tờ báo để viết văn hóa xã hội vớ vẩn". Bí quá. Biết làm sao để móc câu chuyện ông Tư bà Nguyệt với chính trị? Tôi chợt nhớ tới một vị huynh trưởng vẫn chủ trương đứng ngoài tất cả mọi tổ chức để tránh tình thần phe nhóm và để có thể liên kết các tổ chức trong một mục đích chung. Đó cũng là một hình thức ông Tư bà Nguyệt về chính trị.

Tôi gọi điện thoại cho ông và ông cho biết hiện đã chính thức gia nhập một tổ chức chính trị, không còn "đứng ngoài và đứng trên" mọi tổ chức nữa. Ông nói: "Trước đây có hằng trăm hàng ngàn tổ chức. Bây giờ đào thải gần hết rồi. Mấy tổ chức còn lại là khôn lanh lắm. Chúng nó biết nhau hết, nó thấy kết hợp được với nhau thì xõng xộc tới nói chuyện trực tiếp với nhau, chả cần mối lái gì cả. Mình phải đổi kế sách. Nghề nhân sĩ trung gian bây giờ khó sống lắm".

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 150 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

**hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó**